

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §163

A. Khái niệm chủ quan: a) Khái niệm xét như là Khái niệm

- “*Khái niệm xét như là Khái niệm*” nghĩa là gì? Ta biết rằng Khái niệm đánh dấu một *sự bắt đầu* mới trong việc trình bày cái Logos. Đây mới thực sự là sự bắt đầu *đúng thật* việc triển khai của Tư tưởng, tức tự-phát triển dựa theo quy luật riêng của nó là sự tự do. Vậy, Khái niệm đánh dấu *sự bắt đầu* của việc phát triển chính mình một cách *tự do* của Logos. Tất nhiên, tuy không còn một sự bắt đầu trừu tượng vô-quy định như tồn tại-thuần túy hay thậm chí bản chất-thuần túy, nhưng vẫn là một sự *bắt đầu* như là *mầm mống* mà các tính quy định của nó vẫn tạm thời bị phong kín trong một tính nội tại còn trực tiếp. Vì thế, thoạt đầu, nó chỉ là Khái niệm *chủ quan* hay *hình thức*, hay nói một cách trừu tượng hơn nữa, là *KHÁI NIỆM XÉT NHƯ LÀ KHÁI NIỆM*, nghĩa là: Khái niệm *chưa* bắt đầu tự triển khai ở *bên trong* chính mình như là “*phán đoán*” (§166 và tiếp) và “*suy luận*” (§181 và tiếp) mà còn tự giới hạn ở việc trình bày cấu trúc còn tuyệt đối mang tính hình thức của sự tự do của nó khi mới xuất hiện.
- Như thế, trước hết cần nêu các mômen đích thực mang tính khái niệm của “Khái niệm như là Khái niệm”, tức của Khái niệm *không còn là bản chất nữa nhưng cũng chưa phải là phán đoán*. Các mômen này chính là *ba* mômen đã nêu ở §159 khi nói về đặc điểm của Khái niệm khi so sánh với Tồn tại và Bản chất, trong đó các mômen này bây giờ được suy tưởng một cách *minh nhiên* dưới ánh sáng của mômen quyết định trong chúng là mômen *thứ ba* của sự tự do hay của “*tự ngã*” của Khái niệm. Ta ôn lại ba mômen ở §159 để thấy rõ sự chuyển hóa của chúng trong sự tự do của Khái niệm:
 1. *sự phản tư-trong-mình* một cách đồng nhất hay là *tính bản thể-bản chất* của Logos mà sự ánh hiện tự phủ định bằng cách kết tinh thành sự trực tiếp độc lập-tự tồn;
 2. bản thân sự trực tiếp độc lập-tự tồn này – mà tồn tại *được quy định nhất định* của nó cũng trực tiếp tự phủ định trước

bản chất đã thiết định nó – chỉ là chỗ để cho bản chất ánh hiện tự do “trong-chính-mình” ở trong cái khác của nó;

3. cái “trong-chính-mình” này quy định bản thân “tự ngã” hay sự *tự do chủ quan*, là nơi hai mômen trên hợp nhất lại (do sự phủ định lẫn nhau) (tức mômen của sự đồng nhất-bản thể và của tính quy định trực tiếp hay tồn tại của nó).

Chính ba mômen này bây giờ phải được suy tưởng *không* phải ở trong sự trừ tượng tiên-khái niệm của chúng – nếu thế, ta sẽ rơi vào lại trong các lĩnh vực Tồn tại và Bản chất trước đây – mà như là các mômen *đã hợp nhất* và *đã được toàn thể hóa* bởi sự tự do có mặt khắp nơi của Khái niệm đúng nghĩa. Trong viễn tượng ấy, *Khái niệm xét như là Khái niệm* bao gồm ba mômen sau đây: 1) *tính phổ biến*; 2) *tính đặc thù* và 3) *tính cá biệt*.

- 1) **TÍNH PHỔ BIẾN (Allgemeinheit / universality / universalité:** là sự lấy lại ở *cấp độ Khái niệm* sự đồng nhất-bản thể (vốn là mômen thứ nhất ở §159 nói trên), tức là sự phản tư-trong-mình của bản chất luôn *ngang bằng với chính mình* trong bản thân sự ánh hiện của nó (việc dùng chữ “*ngang bằng với chính mình*” / *Gleichheit mit sich selbst / equal to itself / égale à soi* – vốn là một phạm trù của Bản chất (§117) nói lên sự phản tư ngoại tại làm công việc so sánh sự đồng nhất của hai hạn từ còn tách biệt nhau – cho thấy Khái niệm chủ quan chưa thật sự tự phát triển bằng sự *phán đoán* tự lập của nó). Nhưng, tính phổ biến “ngang bằng với chính mình” này (mômen thứ nhất) lại được suy tưởng minh nhiên trong sự thống nhất *không tách rời* với hai mômen còn lại, tức với *toàn bộ Khái niệm* (§§160-161), vì thế, Khái niệm xét như là Khái niệm chứa đựng bên trong nó tính phổ biến như là sự ngang bằng *tự do với-chính-mình* (*als freie Gleichheit mit sich selbst*), nghĩa là có cả mômen thứ ba (“với-chính-mình”) ngay trong lòng *tính quy định hay sự biến đổi* của nó (mômen thứ hai).
- Vì thế, ta *không* được hiểu “tính phổ biến” ở đây như là “tính chung” (generality / généralité collective) theo nghĩa “cái gì có chung đối với mỗi cái và mọi cái” như cách hiểu thông thường. Đúng hơn, tính phổ biến biểu thị *sức mạnh tự do* của Khái niệm để tự tiếp tục chính mình ngay trong bản thân sự *trở thành* vốn bao hàm trong sự phát triển của nó, giống như thể một “vũ trụ” (“univers” trong chữ “universality / universalité) tự quy định và

tự triển khai vô hạn nhưng không hề đi ra khỏi chính mình, không ngừng bảo tồn chính mình một cách tuyệt đối trong bản thân cái khác của mình. Nói ngắn, “Khái niệm như là Khái niệm” là có *tính phổ biến* ở chỗ: nó tự quy định bên trong bởi một sự phản tư hay ánh hiện nội tại bảo tồn sự đồng nhất tuyệt đối của nó ngay trong lòng tính quy định đặc thù (đề qua sự phủ định của tính quy định đặc thù, nó tự trung giới một cách cụ thể với mình). Chính trong nghĩa đó mà cái phổ biến của Khái niệm được gọi là “*cụ thể*”, bởi nó “bao hàm” tính quy định trong chính-mình. Do đó, sự phát triển tiếp theo của Khái niệm *sẽ không phải* là một sự quá độ hay chuyển sang một cái gì khác, trái lại, với tư cách là cái phổ biến, Khái niệm vẫn là chính mình ở trong cái khác của mình, nói rõ hơn, vẫn tự bảo tồn ngay trong bản thân việc *đặc thù hóa* của nó.

2. **TÍNH ĐẶC THÙ (Besonderheit / particularity / particularité):** là sự lấy lại ở cấp độ Khái niệm một cái *tồn tại-được-quy định-nhất định* (mômen thứ hai ở §159), tức sự trực tiếp độc lập-tự tồn của bản chất-hiện thực. Nhưng, bây giờ, tính đặc thù của tính quy định này được suy tưởng *minh nhiên* trong sự thống nhất không tách rời của nó với hai mômen kia, và, qua đó, với cái toàn bộ của Khái niệm. Vì thế, tính đặc thù *không* còn là tính quy định trừu tượng vốn thuộc về tồn tại về chất và quy chiếu với cái khác của nó như với cái gì ở bên kia ranh giới của nó. Trái lại, nó là một mômen nội tại ngay bên trong cái phổ biến, và cái phổ biến cũng ở ngay bên trong nó như là ở nơi chính mình chứ không phải nơi một cái khác. Vậy, tính đặc thù là *tính quy định* (mômen thứ hai), trong đó cái phổ biến vẫn là nó (mômen thứ nhất) một cách tự do và tuyệt đối ngang bằng *với-chính-mình* (mômen thứ ba). (Chú ý: bước chuyển từ “*tính phổ biến*” (Allgemeinheit) sang “*cái phổ biến*” (das Allgemeine / the universal / l’universel) là sự chuyển hóa quen thuộc từ trừu tượng sang cụ thể. Chính Khái niệm – như là chủ thể *cụ thể* – có *tính phổ biến*, và do đó, là *cái phổ biến*).

Tóm lại, tính đặc thù chứa đựng đầy đủ tính phổ biến như là *bản thể* của nó, và vì thế, tính phổ biến tiếp tục một cách tự do trong tính đặc thù, đồng thời tính đặc thù cũng tự do, ít ra là theo nghĩa nó là độc lập-tự tồn một cách tuyệt đối vì chứa đựng trong nó tính toàn thể của Khái niệm.

3. **TÍNH CÁ BIỆT (Einzelheit / singularity / singularité):** là sự lấy lại ở cấp độ Khái niệm tính tự ngã chủ quan (tức mômen thứ ba ở §159 như là sự phủ định của phủ định đối với hai mômen trước), tức là sự tự do đích thực mang tính khái niệm của cái “*trong-chính-mình*”, qua đó bản chất tự phản tư trong chính mình ngay khi ánh hiện trong cái khác của nó. Nhưng, bây giờ, tính cá biệt – là sự phản tư trong chính mình này – được suy tưởng *minh nhiên* trong sự thống nhất không tách rời với hai mômen kia mà nó là sự thống nhất, và, qua đó, với cái toàn bộ của Khái niệm *tự tập trung* ở trong nó. Vì thế, “Khái niệm như là Khái niệm” chứa đựng trong nó tính cá biệt trong chừng mực tính cá biệt thể hiện minh nhiên sự *phản tư tự do trong chính mình* (mômen thứ ba) của các tính quy định phủ định lẫn nhau giữa *tính phổ biến* (mômen thứ nhất) và *tính đặc thù* (mômen thứ hai).

- **Phần Nhận xét cho §163**

- Ở đầu §160, ta đã có định nghĩa về Khái niệm-tự do như là “*sức mạnh-bản thể-tồn tại-cho-mình*”, nghĩa là: với tư cách là *tồn tại*, Khái niệm là đặc thù; với tư cách là *sức mạnh-bản thể*, nó là phổ biến, còn với tư cách là *cho-mình*, nó là cá biệt. Tính cá biệt của Khái niệm là bản thân sự tự do hay tính chủ thể của Khái niệm. Nhưng, Khái niệm không phải là một sự “phủ định của phủ định” *nói chung*. Nó là sự phản tư *trong-mình* của sự phủ định gấp đôi này và tự khẳng định như là quan hệ của cái phủ định với chính mình, nghĩa là, như tính duy nhất tuyệt đối và loại trừ. Do đó, Khái niệm tồn tại-cho-mình không chỉ là “tính cá biệt” trừ tượng mà là **cái** cá biệt (*das Einzelne / the singular / le singulier*).
- Cái cá biệt là bản thân Khái niệm trong sự tự do cụ thể của việc tự-quy định. Theo một nghĩa nào đó, nó là “cùng một cái” như *cái hiện thực* đã gặp trước đây (§142), bởi cái hiện thực cũng không gì khác hơn là sự thống nhất phủ định giữa bản chất và sự hiện hữu-hiện tượng giống như cái cá biệt là sự thống nhất phủ định giữa cái phổ biến và cái đặc thù. Nhưng, có một sự *khác biệt lớn*: cái cá biệt đến từ Khái niệm chứ không còn từ bản chất nữa. Với tư cách là mômen của Khái niệm, nó là *phổ biến* theo nghĩa tiếp tục một cách minh nhiên trong sự phủ định và chỉ đồng nhất với mình trong chừng mực tự khẳng định như là tính phủ định tuyệt đối: là sự tự do hay tính chủ thể hoàn hảo. *Cái hiện thực*, vì lẽ nó thoát đầu chỉ mới là sự thống nhất – tuy là phủ định nhưng về

nguyên tắc, là khẳng định, như là bản thể còn “tự-mình” và một cách trực tiếp – giữa bản chất và sự hiện hữu, nên chỉ có *sức mạnh* tác động (Hegel viết: “*nó có thể tác động*” / *kann es wirken*) không theo nghĩa đơn thuần có khả thể mà theo nghĩa có *sức mạnh* (*Macht / might / puissance*): cái hiện thực là sức mạnh tác động, nhưng *chỉ là sức mạnh* mà thôi, nghĩa là, chỉ là một sức mạnh *mù quáng* của việc tiếp tục là chính mình trong cái khác của mình. Trong khi đó, tính cá biệt của Khái niệm, hay chính xác hơn, *cái cá biệt* lại là chủ thể tự do làm chủ sức mạnh này một cách sáng tỏ. Nó không chỉ là cái hiện thực *đang* hành động mà tuyệt đối là bản thân *cái hành động* (*schlechthin das Wirkende / strictly what is effective / l’effectuant*) *même de manière absolue*), nghĩa là: không chỉ là bản thể-hiện thực mà là *cái* (tức *chủ thể*) đang hiện thực hóa.

- Thoạt nhìn, có vẻ như cái cá biệt cũng giống với “nguyên nhân nguyên thủy” (Ur-sache) vì ngay khi tạo ra kết quả của nó, nguyên nhân cũng đã là tính chủ thể tác động, tự phản tư một cách nguyên thủy trong mình, trong một sự độc lập tự tồn tuyệt đối. Tuy nhiên, trước khi chuyển sang “hành động tương tác”, nguyên nhân tạo ra kết quả của nó hầu như là tác động đến một cái khác với nó, nên kết quả là cái gì được tiền-giả định trực tiếp, khác với nguyên nhân (§§153-154). Trong khi đó, cái cá biệt không chỉ là sự tác động lên một cái khác mà tuyệt đối và trong suốt là cái tác động *chính mình*.
- Vì thế, tính cá biệt của Khái niệm “xét như là Khái niệm” không nên được hiểu theo nghĩa thường nghiệm trực tiếp như cách nói thông thường về những sự vật hay những con người cá biệt: quyển sách này, con người này... một cách cá lẻ. Tính quy định cá biệt hóa này của tính cá biệt sẽ diễn ra sau này trong *phán đoán*, là nơi tính cá biệt của Khái niệm sẽ tạm thời được tháo rời ra thành hai mômen của nó (cá biệt và phổ biến) và được nắm lấy trong sự trừ tượng của sự trực tiếp. Trong trường hợp ấy, tính cá biệt vẫn là sự thống nhất phủ định với mình nhưng, vì đã trở thành trực tiếp, nó có tính phủ định *ở bên ngoài nó* quy định nó: ví dụ: con người cá biệt này được xác định bởi quan hệ phủ định của người ấy với những cá nhân bên ngoài. Tính cá biệt trực tiếp ấy cũng sẽ chỉ gắn liền với tính phổ biến một cách hời hợt như là với một tính “chung” trừ tượng, có được khi phân loại mọi cá thể mang cùng một thuộc tính nhất định.

Trong khi đó, tính cá biệt của Khái niệm xét như Khái niệm – là chủ thể cụ thể – không phải là một tính cá biệt trực tiếp nào đó mà là *toàn thể* của Khái niệm, hay, cũng chính là bản thân Khái niệm phổ biến. Do đó, tính cá biệt không ở bên ngoài tính phổ biến của Khái niệm, mà là cái *cho-mình*, là nơi tính phổ biến tự khẳng định trong sự tự do và sự trong suốt của *tính chủ thể* của nó. Tất nhiên, mômen nào của Khái niệm cũng là bản thân toàn bộ Khái niệm cả (§160), nhưng tính cá biệt, hay Khái niệm *như là* chủ thể, là Khái niệm không chỉ là toàn thể có *tính bản thể* mà là việc *toàn thể hóa* của hành vi *chủ thể*: cái đơn nhất hay chủ thể là Khái niệm được *thiết định* minh nhiên như là toàn thể có mặt mọi nơi (trong cái phổ biến và cái đặc thù) và tự do tận hưởng sự hoàn hảo của mình.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §164

Khái niệm là cái hoàn toàn cụ thể [hay: là cái cụ thể một cách tuyệt đối / das schlechthin Konkrete / altogether concrete / l'absolument concret]...

- Nếu không kể “tồn tại thuần túy” và “hư vô” (§§86-88) thì mọi phạm trù logic còn lại đều là “*cụ thể*” theo nghĩa từ nguyên triết học là cái gì tập hợp trong mình nhiều tính quy định và tạo nên một sự thống nhất [nhất thể]. Tuy nhiên, chỉ có Khái niệm mới là cái cụ thể một cách *hoàn toàn*, một cách *tuyệt đối*. Tại sao?
- Trong các phạm trù trước đó, sự thống nhất cụ thể này vẫn còn *chưa hoàn hảo*. Ta hãy xem các phạm trù trong lĩnh vực *Tồn tại* và *Bản chất*:
 - Mỗi phạm trù *cụ thể* của Tồn tại, một mặt, ở trong mối quan hệ trực tiếp với mình và, mặt khác, tìm thấy tính quy định hoàn chỉnh của nó ở trong tính phủ định ngoại tại làm cho nó chuyển sang cái khác. Hai mômen này của mỗi phạm trù của Tồn tại được hợp nhất lại trong nó nhưng lại không được đồng nhất hóa một cách tuyệt đối, vì bản thân sự phủ định quy định phạm trù ấy từ bên ngoài không tạo nên quan hệ trực tiếp của

nó với chính mình, chẳng hạn, *độ* (*Grad / degree*) – là nơi đại lượng (Quantum) được quy định hoàn toàn – không phải là cái tạo nên *sự trực tiếp* của đại lượng trong quan hệ ban đầu của nó với chính mình.

- Tình hình có khác ở trong Logic học về Bản chất nhưng không thay đổi căn bản. Ở đây, mỗi phạm trù tìm thấy tính quy định hoàn chỉnh của mình ở trong tính phủ định nội tại qua đó nó ánh hiện trong cái khác, nhưng sự trực tiếp ra đời từ sự thống nhất phủ định với mình này không phải là sự đồng nhất khẳng định của bản thân phạm trù ấy mà đúng hơn là sự đồng nhất của cái khác được tiên-thiết định trong đó nó ánh hiện, bởi vì, như đã biết (§114), lĩnh vực Bản chất, nói chung, là sự kết hợp cụ thể nhưng chưa hoàn hảo giữa sự trực tiếp và sự trung giới: chẳng hạn, *nguyên nhân* tìm thấy tính quy định hoàn chỉnh của nó ở trong sự thống nhất phủ định nối liền nó với *kết quả*, nhưng sự trực tiếp ra đời từ sự hoàn tất của việc trung giới này không cấu tạo nên quan hệ của chính nó với mình mà tạo nên quan hệ của bản thể bị động được tiên-thiết định.
- Ngược lại, trong Khái niệm (như đã thấy ở §163), bản thân *tính cá biệt* của Khái niệm – như là sự thống nhất phủ định với mình – tạo nên quan hệ của *mình* với *mình* (khác với lĩnh vực Tồn tại), đồng thời, quan hệ này (khác với cái gì được thiết định trong Bản chất), không phải là ở bên ngoài tính cá biệt, trái lại, là *tính phổ biến* bao hàm cả tính cá biệt và tiếp tục ở trong đó. Như thế, Khái niệm là cụ thể một cách tuyệt đối vì nó hợp nhất cả *ba* mômen đối lập mà nó bao hàm ở trong một sự tuần hoàn hoàn hảo: cả ba mômen của Khái niệm (phổ biến – đặc thù – cá biệt) tập hợp lại trong một nhất thể và một sự cụ thể hóa tuyệt đối, vì mỗi cái là yếu tố cấu tạo nên hai cái kia và chứa đựng hai cái kia trong mình, và nhất là tính cá biệt – như là chủ thể tự do – vừa chứa đựng vừa cấu tạo nên bản thân tính phổ biến của Khái niệm!
- Vì thế, các mômen của Khái niệm không thể tách rời với nhau. Ta nhớ rằng ba tính quy định thuần túy của sự phản tư trước đây (tức: sự đồng nhất / hay cái khẳng định; sự khác biệt / hay cái phủ định, và cơ sở) tuy cũng không thể tách rời nhau vì đều ánh hiện trong nhau về bản chất, nhưng vẫn còn được nắm lấy và vẫn muốn có giá trị riêng biệt cho mình như là các quy

định đối lập có sự độc lập-tự tồn *trừu tượng* (do còn có tàn dư của sự trực tiếp của Tồn tại). Trong khi đó, trong Khái niệm, ba tính quy định này – tương ứng với ba mômen của Khái niệm – đều *được thiết định* một cách minh nhiên và tuyệt đối, nghĩa là: mỗi mômen của Khái niệm chỉ có thể được nắm lấy một cách *trực tiếp* khi *xuất phát từ* hai mômen khác và *cùng* với chúng.

- **Phần Nhận xét cho §164**

- Một cách trừu tượng, nghĩa là thoát ly khỏi việc là các tính quy định của Khái niệm cụ thể thì tính phổ biến, tính đặc thù và tính cá biệt *thoạt nhìn* không khác gì sự đồng nhất, sự khác biệt và cơ sở, vốn là các tính quy định thuần túy của sự phản tư (thuộc lĩnh vực Bản chất) trước đây.
- Tính phổ biến và sự đồng nhất là “cùng một cái” (dasselbe / the same / la même chose), vì, giống như sự đồng nhất, nó là quan hệ với mình, không còn là trực tiếp mà được phản tư, của Khái niệm ngang bằng với chính mình trong tính quy định của nó (so sánh với §115). Tính đặc thù và sự khác biệt là “cùng một cái”, vì nó cũng là tính phủ định-tự-quan hệ-với-mình (so sánh với §121). Sau cùng, tính cá biệt là “cùng một cái” như cơ sở, vì nó là Khái niệm được thiết định như là cái toàn thể, tức sự phản tư trong mình của các quy định đối lập (tính phổ biến và tính đặc thù) giống như cơ sở là bản chất được thiết định khi nó là tồn tại-trong-mình hợp nhất các tính quy định đối lập của bản chất thuần túy. (so sánh với §§120-121).
- Tuy nhiên, có một sự khác biệt cơ bản giữa hai loại quy định này: như đã thấy ở §163:
 - cái phổ biến là cái đồng nhất với mình, nhưng với ý nghĩa *minh nhiên* rằng nó đồng thời chứa đựng trong nó cái đặc thù và cái cá biệt, khác với trường hợp sự đồng nhất quan hệ với sự khác biệt và cơ sở: sự đồng nhất tuy cũng chứa đựng sự khác biệt và cơ sở (§§116-120), nhưng chưa được thiết định minh nhiên như là cái chứa đựng hai cái kia như chứa đựng các mômen trong sự phát triển nội tại và liên tục của mình;
 - cái đặc thù, cũng giống như sự khác biệt trực tiếp, là cái được phân biệt, hay tính quy định, nhưng với ý nghĩa *minh nhiên* rằng nó đón nhận trong nó mọi tính phổ biến của Khái niệm, và, như thế, là cái phổ biến ở trong nó, đồng thời là nơi để tính chủ thể của Khái niệm tự khẳng định một cách phủ định như thể được thiết định như là cái cá biệt, khác với trường hợp sự khác biệt tuy có chứa đựng sự đồng nhất (trong chừng mực quan hệ với mình) và cơ sở (trong chừng mực là bản thân sự

trung giới tự thái hồi) nhưng không được thiết định minh nhiên như là cái chứa đựng sự đồng nhất của bản chất và tự vượt bỏ trong sự thống nhất phủ định của cơ sở.

- cũng thế, cái cá biệt tuy cũng là một chủ thể (sub-iectum) theo nghĩa từ nguyên của chữ Hy Lạp *hypokemenon* là chỗ dựa nền tảng, giống như cơ sở chứa đựng trong nó *Loài* (hay cái phổ biến) và *Giống* (hay cái đặc thù), nghĩa là không mất đi sự phong phú của bản thể tồn tại-cho-mình (ở §177 sau này, ta sẽ thấy rõ hơn sự khác biệt giữa *cái phổ biến* với *Loài* và giữa *cái đặc thù* với *Giống*). Trong thực tế, tính chủ thể của Khái niệm có một nội dung *tư biện* cao hơn so với tính nền tảng của cơ sở, vì nó là sự tự do và sự tự-quy định tuyệt đối, trong khi cơ sở không có nội dung nào được quy định tự-mình-và-cho-mình (§122). Nói khác đi, tuy cái cá biệt chứa đựng tính phổ biến và tính đặc thù của Khái niệm giống như cơ sở là sự thống nhất giữa sự đồng nhất và sự khác biệt, nhưng cái cá biệt chứa đựng chúng một cách *minh nhiên*, tức, được quy định tuyệt đối tự-mình-và-cho-mình trong sự phát triển tự do tiếp theo. (Trong khi đó, *các sự hiện hữu* được dị biệt hóa đi ra khỏi *cơ sở* và đi vào trong lĩnh vực của *hiện tượng* và của *sự tất yếu*).
- Tóm lại, trong sự tự do, Khái niệm có sự nội tại hỗ tương của các mômen cấu thành, nghĩa là có sự “*không tách rời*” (*Ungetrennheit / non-separation*) của các mômen ngay trong sự khác biệt giữa chúng. Vì thế, theo nghĩa tư biện lôgic chứ không phải theo nghĩa tâm lý học của Lôgic hình thức, đó là *sự trong sáng* (*Klarheit / clarity / clarté*) của Khái niệm, trong đó không có sự khác biệt nào, dù sâu đậm đến mấy, có thể tạo ra một sự đứt đoạn hay làm tối tăm sự phát triển tự do của Logos.
- Cuối *Nhận xét*, Hegel còn nói tới cái *Cụ thể-Tuyệt đối* (*das Absolute-Konkrete*), tức, *Tinh thần*. Ta sẽ bàn kỹ hơn về nó ở Chú giải cho *Nhận xét* của §213 sau này, vì hiện nay, khi chưa tìm hiểu học thuyết về *phán đoán* và về *khách thể*, ta chưa đủ điều kiện để đề cập đến.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §165

Tiểu đoạn §165 rất quan trọng đánh dấu bước chuyển tư biện từ “Khái niệm xét như là Khái niệm” (als solcher / as such / comme tel) sang “Khái niệm *nhất định*”, tức sang học thuyết về *phán đoán*, vì thế ta cần đọc một cách chăm chú:

- Như đã thấy, các mômen của Khái niệm là khác biệt, nhưng, trong Khái niệm xét như là Khái niệm, sự khác biệt ấy không được *thiết định*, bởi mỗi mômen lập tức đồng nhất với hai mômen còn lại và với cái toàn bộ (§161). Sự khác biệt ấy đi ra khỏi tiềm thể nguyên thủy và được *thiết định* mình nhiên bởi vận động tự-quy định của *tính cá biệt*. Tính cá biệt là sự thống nhất phủ định với mình (§163). Điều này có nghĩa: Khái niệm, như là tính cá biệt, là tính phủ định tự quan hệ một cách *phủ định* với mình, tức, tự đẩy chính mình, tự dị biệt hóa mình, hay, *tự-quy định*. Nói cách khác, nếu mômen của tính cá biệt *thiết định* các mômen của Khái niệm *như là* các cái khác biệt, thì đó là trong chừng mực nó là sự phản tư-trong-mình *phủ định* của Khái niệm. Vậy, tính cá biệt tự-quy định của Khái niệm *thoạt đầu* chính là hành vi *dị biệt hóa* Khái niệm; nó là sự dị biệt hóa tích cực của Khái niệm. Chữ “*thoạt đầu*” muốn nói rằng lĩnh vực của **phán đoán** bắt đầu mở ra (nói theo ngôn ngữ của lĩnh vực Tồn tại: giống như sự “đẩy”, để rồi tự vượt bỏ trong việc “hút”, tức hợp nhất lại trong lĩnh vực của **suy luận** ở sau (§§181 và tiếp)).
- Vì thế, việc dị biệt hóa này của Khái niệm (hay việc “phán đoán”) mới chỉ là *sự phủ định thứ nhất*, rồi sự phát triển của phán đoán trong *suy luận* sẽ là *sự phủ định thứ hai*. Nhưng, ta cần lưu ý rằng: đây là sự dị biệt hóa của Khái niệm nên là sự dị biệt hóa *chính mình* một cách *tự do* (sự tự-dị biệt hóa). Nghĩa là: Khái niệm vẫn “ở trong nhà của chính mình” (bei-sich-sein) ngay trong việc dị biệt hóa; việc dị biệt hóa chỉ là công cụ cho sự phát triển của chính nó. Nói theo thuật ngữ Hegel, sự dị biệt hóa của Khái niệm được quy định bởi sự phản tư-trong-mình **phủ định**, dù vậy, vẫn cứ là sự phản tư-**trong-mình**.

- Vậy, bây giờ “Khái niệm xét như là Khái niệm” bị *phủ định* bởi sự dị biệt hóa, tách rời các mômen vốn đồng nhất một cách trực tiếp, và, đó chính là *sự quy định* của Khái niệm, hay Khái niệm (được quy định) *nhất định* (*bestimmt / determinate / déterminé*). Sự quy định này (không phải là sự luân phiên một cách trừu tượng như trong lĩnh vực Tồn tại) mà là sự quy định trong đó Khái niệm vẫn ngang bằng với mình và tính phổ biến của nó vẫn không bị suy yếu. Nói ngắn, sự quy định của Khái niệm (được thiết định bởi sự dị biệt hóa của nó) chỉ như là *tính đặc thù* chứ không phải như là cái tồn tại-khác hay ánh tượng trước đây nữa. Nói rõ hơn, trong phán đoán, Khái niệm tuy được quy định nhất định, nhưng không còn theo nghĩa như khi nó cũng là khái niệm nhất định trong lĩnh vực Tồn tại và Bản chất nữa (Ta nhớ lại: trong Tồn tại, các hạn từ được phân biệt *chuyển sang* nhau: ví dụ: Chất sang Lượng, và Lượng sang Chất trong hạn độ; còn trong Bản chất, cái này *ánh hiện* trong cái kia: ví dụ: bản chất trong hiện tượng và hiện tượng trong hiện thực...), trái lại, trong sự phát triển tự do của Khái niệm, các hạn từ *liên tục* ở trong nhau: cái phổ biến tự cá biệt hóa trong cái đặc thù, hay cái cá biệt tự phổ biến hóa trong cái đặc thù. Vì thế, trong sự dị biệt hóa của Khái niệm, khi bảo sự quy định của nó được thiết định như là *tính đặc thù* thì có nghĩa rằng, cùng với sự khác biệt, *sự đồng nhất* của các hạn từ khác biệt cũng được *thiết định*, nghĩa là: cái cá biệt là cái phổ biến v.v... và ngược lại; tức không phải một sự đồng nhất nội tại còn khép kín như trong sự tất yếu mà là một sự đồng nhất *minh nhiên*.
- “Khái niệm xét như là Khái niệm” *vốn đã là* đặc thù, vì nó có năng lực tự-quy định. Nhưng, trong sự dị biệt hóa được tác động bởi sự phản tư-trong-mình phủ định của Khái niệm với tư cách là tính cá biệt, tính đặc thù này của Khái niệm được *thiết định* một cách minh nhiên. Hegel gọi tính đặc thù được thiết định của Khái niệm – qua đó Khái niệm tự dị biệt hóa hay *tự phân chia* cái bên trong của nó nhưng vẫn không đánh mất sự đồng nhất *nguyên thủy*, là sự **phân chia nguyên thủy (Ur-teilung / original division / division originaire)** của Khái niệm, hay, gọn hơn, **sự PHÁN ĐOÁN (Urteil / judgment / judgement)**.
- Ta lưu ý một khẳng định quan trọng trong phần *Nhận xét*: khác với sự phản tư *bên ngoài* thiết định các sự khác biệt đúng thật của Khái niệm (các Khái niệm phổ biến, đặc thù và cá biệt) như là các

kiểu (hay: **các Giống**) (**Arten / types / espèces**) phán đoán thì *bản thân* phán đoán là sự phân tư, là sự dị biệt hóa hay sự quy định *nội tại* của Khái niệm, vì *hành vi phán đoán* (*das Urteilen / to judge / l'acte de juger*) (tức hành vi thiết định các mômen của Khái niệm như là khác biệt đồng thời khẳng định sự đồng nhất của chúng) là phương cách của **chính** Khái niệm để quy định, không phải bằng sự quá độ, chuyển sang cái khác hay ánh hiện trong cái khác như trước đây nữa, mà bởi sự phát triển đồng nhất *của mình* ở trong cái được dị biệt hóa. Vì thế, ta lưu ý câu cuối cùng trong phần *Nhận xét*: “Die immanente Unterscheidung und Bestimmen des Begriffes ist im Urteile vorhanden, denn das Urteilen ist das Bestimmen des Begriffes” / The immanent distinguishing and determining of the Concept is given in the judgment, for to judge is to determine the Concept”. Chữ “bestimmen” / “việc quy định” trong về trước là cái gì khách quan (*Urteil*: phán đoán như là quan hệ giữa các mômen), còn trong về sau là hành vi chủ quan của bản thân phán đoán (*Urteilen / to judge / le juger*: phán đoán như là hành vi).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §166

b. Phán đoán

- Phán đoán không gì khác hơn là tính đặc thù được thiết định của Khái niệm (§165): nói rõ hơn, nó là việc “*đặc thù hóa*” (*Besonderung / particularisation*) hay sự phân chia của Khái niệm. Nhưng, đồng thời, phán đoán là sự bảo tồn Khái niệm và là sự liên tục của Khái niệm. Như thế, phán đoán là *một sự mâu thuẫn* tư biện: là Khái niệm trong tính đặc thù của nó và là bản thân tính toàn thể ngay trong sự phân hóa hiện thực của Khái niệm.
- “Phán đoán” – theo nghĩa từ nguyên “ngẫu nhiên” trong tiếng Đức: Urteil → Teilung: “sự phân chia”. Rồi trong phần *Nhận xét* cho §166, Hegel lại cho rằng nghĩa từ nguyên khoa học hơn (hay chỉ là cách chơi chữ của riêng Hegel!) của chữ Ur-teil nói lên sự

thống nhất “nguyên thủy” (Ur) và sau đó mới đến việc “phân chia” (Teilung) xuất phát từ sự thống nhất nguyên thủy này cho thấy cả hai mặt: sự “đặc thù hóa” của Khái niệm, tức sự dị biệt hóa, sự phân chia các mômen của nó, đồng thời, phán đoán là sự phân chia “nguyên thủy” của *MỘT* Khái niệm, nghĩa là, ngay trong lòng sự phân chia, Khái niệm vẫn là sự thống nhất, và, do đó, đặt các mômen ý thể của nó vào trong *sự tương quan* (*Beziehung / relation*) (ta chú ý: sự “*tương quan*” / *Beziehung* chỉ nói lên một sự thống nhất trừu tượng và bất định. Chỉ trong *suy luận* ở sau thì sự thống nhất này mới có sự bền vững của một hạn từ-trung gian được lấp đầy một cách cụ thể).

- Khi nói như thế, ta thấy rõ bản tính *mâu thuẫn* của phán đoán: nó là “Khái niệm” (tức: sự thống nhất) ở trong sự “đặc thù hóa” (tức: sự phân chia), thể hiện ở *sự tương quan* dị biệt hóa của các mômen của nó, kết hợp sự thống nhất và sự khác biệt.

Trong sự “tương quan”, các mômen được thiết định như là “*tồn tại-cho-mình*”, nghĩa là có sự tự tồn trực tiếp của một cái tồn tại-cho-mình ở bên ngoài cái toàn bộ hợp nhất chúng lại. Cần đi xa hơn và khẳng định rằng các mômen của Khái niệm *được phán đoán* (hay được phân chia) có sự tự mãn tự túc trực tiếp không chỉ trong quan hệ với cái toàn bộ của Khái niệm xét như là Khái niệm mà còn trong *sự tương quan* của chúng với nhau (hay đúng hơn: sự vắng mặt của sự tương quan hỗ tương!): phán đoán là Khái niệm trong tính đặc thù của nó, trong chừng mực tương quan dị biệt hóa, tất cả các mômen của nó được thiết định như là tồn tại-cho-mình, và *đồng thời* như là đồng nhất **với mình chứ không phải với nhau**.

- Điều vừa nói có vẻ đi ngược lại với điều đã nói ở §165 khi thiết định *sự đồng nhất* giữa các mômen **với nhau**. Nghịch lý này sẽ được giải quyết khi thấy rằng: trong thực tế (trong thuật ngữ Hegel, chữ “*trong thực tế*” / *in der Tat / in fact / de fait* trái nghĩa với chữ “*thoạt tiên*”, “*thoạt đầu*” / *zunächst / at first / tout d’abord*), phán đoán là mâu thuẫn do chính bản tính tự nhiên của nó, và, thứ hai, các mômen tồn tại-cho-mình và đồng nhất với-mình này của phán đoán *thoạt đầu* chỉ mới được thiết định như là đồng nhất *với nhau* bằng sự trung giới trừu tượng, từ bên ngoài của *hệ từ*: “LÀ” (hệ từ / Copula là động từ nối kết chủ ngữ và vị ngữ trong phán đoán) như sẽ thấy trong “phán đoán trực tiếp”

(§172), rồi sẽ được thiết định như là đồng nhất với nhau ở nơi bản thân chúng (*an ihnen selbst / in themselves / en eux-mêmes*) bằng tính tương quan nội tại khi bắt đầu có “phán đoán phản tư” (ở tận §174). Việc này sẽ từng bước trở nên sáng tỏ.

- Phần Nhận xét cho §166

- Đoạn 1 đã được bàn ở trên; ta đi vào đoạn 2 và đoạn 3 vì có nhiều ý quan trọng.
- “Phán đoán trừu tượng” mà Hegel nói ở đây là phán đoán được diễn đạt một cách “hình thức” nhất, làm mẫu số chung cho các phán đoán khác nhau sau này. Trong mệnh đề nói lên hành vi phán đoán, hai hạn từ chủ yếu là: *chủ ngữ* và *vị ngữ*. Hai tính quy định của Khái niệm được tách rời và được hợp nhất bởi phán đoán thể hiện bằng ngôn từ trong hai hạn từ ấy. Ta hỏi: trong ba tính quy định của Khái niệm: cái phổ biến, cái đặc thù và cái cá biệt, các tính quy định nào sẽ được bảo lưu trong chủ ngữ và vị ngữ? Vì lẽ các mômen của Khái niệm, như đã nói, thoạt đầu được sự phán đoán thiết định như là tồn tại-cho-mình và đồng nhất-với-mình (chứ chưa phải “với nhau”), nên hai tính quy định tiêu biểu nhất cho hai tính chất ấy là cái cá biệt và cái phổ biến, do đó: cái cá biệt, về mặt lôgic, là Khái niệm như là chủ thể được diễn tả như là chủ ngữ ngữ pháp của mệnh đề, còn cái phổ biến ở trong vị ngữ. Mệnh đề được phát biểu một cách trừu tượng nhất cho phán đoán nói chung là: “*cái cá biệt là cái phổ biến*” [vd: “Socrate là người”].
- Nhưng đó chỉ là cách diễn đạt bất định nhất của phán đoán. Nó chỉ là *phán đoán trực tiếp về chất* (§172), tức các mômen *thoạt đầu* được nắm lấy trong tính quy định trực tiếp hay trong sự trừu tượng ban đầu. Về sau, các mômen khác nhau của Khái niệm sẽ được phán đoán thiết định “nơi chính chúng” dựa theo tính tương qua nội tại và ta sẽ có các mệnh đề theo kiểu: “*cái đặc thù là cái phổ biến*” và “*cái cá biệt là cái đặc thù*” (“phán đoán của sự phản tư”: §174 và “phán đoán của sự tất yếu”: §177).
- Nhưng, các phán đoán cụ thể hơn ấy cũng luôn được diễn đạt về *hình thức* bởi quan hệ giữa một chủ ngữ và một vị ngữ, nên mệnh đề: “*cái cá biệt là cái phổ biến*”, tuy là khái quát nhất và bất định

nhất, vẫn là hình thức chung mặc dù các phán đoán về sau không thể được quy giản vào phán đoán trừu tượng này.

- Ta đi vào đoạn 3 của *Nhận xét*: trong hệ từ của phán đoán, tức trong chữ “LÀ” vừa tách rời vừa hợp nhất chủ ngữ và vị ngữ, sự thống nhất phủ định – vốn là linh hồn của Khái niệm – được diễn tả một cách còn nghèo nàn nhất, nhưng, theo nghĩa ấy, hệ từ “LÀ” đến từ bản tính của Khái niệm. Hệ từ diễn tả bản thân sự tự do của Khái niệm, nghĩa là *sức mạnh* có thể đồng nhất với mình ngay trong lòng sự ngoại tại hóa và sự phân hóa của mình. Trong mọi trường hợp, cái cá biệt và cái phổ biến vẫn là các mômen của *Khái niệm*, và, với tư cách ấy, là các tính quy định không thể được tách rời, cô lập hóa. Ta nhớ rằng: các quy định phân tư của *Bản chất* vốn cũng không thể tách rời nhau nhưng chưa hoàn hảo: do thể hiện hình thức của các mối Quan hệ (cơ sở – sự hiện hữu; sự vật – các thuộc tính v.v...), nên tuy chúng cũng quan hệ với nhau, nhưng sự nối kết ấy chỉ là sự nối kết của cái “CÓ” chứ không phải của cái “LÀ”, vì cái “LÀ”, trong Khái niệm, không còn biểu thị sự thống nhất trực tiếp của tồn tại trừu tượng, mà biểu thị sự thống nhất mang tính *cụ thể* của Khái niệm và được thiết định *minh nhiên*; nói khác đi, chính *tính phổ biến* của Khái niệm tự liên tục một cách tuyệt đối và vẫn ngang bằng với chính mình một cách hoàn hảo ngay trong sự khác biệt của tính quy định: nói ngắn, sự vật **CÓ** những thuộc tính; bản thể **CÓ** những tùy thể; nguyên nhân **CÓ** một kết quả, nhưng không hạn từ nào trong đó **là** cái khác của mình trong sự đồng nhất đã phát triển và minh nhiên, theo kiểu: cả ba mômen của Khái niệm tự do (phổ biến, đặc thù, cá biệt) được thiết định trong sự liên tục hỗ tương và tuyệt đối.
- Trong Tồn tại (Khái niệm tự-mình, §84) và Bản chất (Khái niệm được thiết định, §112), Khái niệm tuy cũng tự đặc thù hóa theo nghĩa chuyển sang hay ánh hiện trong cái khác, nhưng chưa được thiết định như là *quay về trong mình* bằng sự đồng nhất. Vì thế, chỉ duy có phán đoán mới là *tính đặc thù* hay *sự đặc thù hóa* (*sự phân chia*) đúng thật của Khái niệm, vì nó là sự quy định hay sự dị biệt hóa của Khái niệm như là Khái niệm tự do (§160). Nghĩa là: sự quy định hay sự dị biệt hóa vẫn cứ là *tính phổ biến* vì trong đó, Khái niệm tự tiếp tục một cách đồng nhất ngay trong sự phân chia của nó. Và phán đoán diễn đạt chính sự đồng nhất này của Khái niệm trong sự khác biệt dưới cách phát biểu khái quát nhất:

“*cái đơn nhất là cái phổ biến*” (dù hai cái là khác nhau!). Cách diễn đạt này còn nghèo nàn, vì hệ từ chỉ khẳng định sự đồng nhất này một cách trừu tượng mà chưa mang lại một *cơ sở trung giới*. Trong *suy luận*, ta sẽ thấy rằng cơ sở trung giới này là *tính đặc thù* của Khái niệm, là cái nối kết tính cá biệt và tính phổ biến đã bị phán đoán tách rời (§§180-182). Và vì lẽ phán đoán chính là Khái niệm bị đánh mất *trong* tính đặc thù (hay sự đặc thù hóa, sự phân chia), nên ở đây ta chỉ mới có *kết quả* của sự đặc thù hóa ấy (tức sự phân ly trừu tượng giữa cái cá biệt và cái phổ biến) chứ chưa phải *bản thân tính đặc thù này* sẽ là nhân tố hợp nhất chúng lại (như trong “*suy luận*” ở sau). Ở đây, nhân tố này chỉ mới thể hiện trong sự trung giới và trong tính quy định trừu tượng của hệ từ “LÀ”.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §167

“Tất cả [mọi vật mọi sự] đều là một phán đoán”...

- Trong ngôn ngữ triết học thông thường, phán đoán thường có nghĩa *chủ quan*, hời hợt như một *thao tác* diễn ra trong tinh thần hữu hạn, hay, đúng hơn, trong ý thức *tự giác* (của con người). Nhưng, một mặt, tư tưởng như là *ý thức tự giác* (của con người) chưa hiện diện ở đây trong lĩnh vực của Logic học và chỉ thuộc về tư tưởng như là hành vi *tinh thần* tự giác (§§424 và tiếp: *Bách khoa thư III*). Mặt khác, vì lẽ phán đoán ở đây là một mômen của Logos phổ biến tác động đến mọi lĩnh vực (Tư tưởng thuần túy, Tự nhiên và Tinh thần), nên cần phải hiểu theo nghĩa phổ biến nhất: không chỉ là một số thao tác của ý thức tự giác mà trái lại, *tất cả mọi vật mọi sự đều là một phán đoán*. Ý nghĩa tư biện của khẳng định này là gì?
- “*Tất cả đều là một phán đoán*” có nghĩa là: tất cả mọi thực tại logic, tự nhiên lẫn tinh thần đều là những *cái cá biệt* (vd: cơ sở, cây cối, tâm hồn...) tự thân chúng (chứ không phải cho một sự phán đoán từ bên ngoài) là một *tính phổ biến* hay một *bản tính bên trong* (vd ở đây là: sự phản tư, giới thực vật, tinh thần nhận thức) vừa “vượt lên trên” chúng, vừa “thâm nhập” vào chúng như bản tính “bên trong”. Hay nói ngược lại cũng thế, câu trên có

nghĩa: tất cả mọi sự vật đều là *một cái phổ biến được cá biệt hóa*. Trong mọi trường hợp, đây chính là một phán đoán: “cái cá biệt là cái phổ biến” hay “cái phổ biến là cái cá biệt”. Trong mọi sự vật, tính phổ biến và tính cá biệt vừa được phân biệt vừa đồng nhất, vì, trong phán đoán, chủ ngữ tuy không phải là vị ngữ nhưng được đồng nhất hóa một cách trừu tượng nhờ vào hệ từ. Chính *sự mâu thuẫn* này sẽ đưa phép biện chứng của phán đoán vào sự vận động và làm cho nó chuyên hóa thành *suy luận*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §168

- Cấp độ tư biện của phán đoán xét như là phán đoán là cấp độ của *sự hữu hạn* của Khái niệm, vì đó là nơi Khái niệm đi ra khỏi chính mình nhưng chưa tự khẳng định (như trong *Suy luận* và nhất là trong *Ý niệm*) sự tuần hoàn vô hạn của các mômen cấu thành của nó mà còn tách rời nhau một cách trực tiếp. Và vì lẽ “mọi sự vật đều là một phán đoán”, nên *tính hữu hạn* của chúng ở ngay trong việc chúng chỉ là “một phán đoán”, bởi chúng chỉ là sự đồng nhất chưa được trung giới, nghĩa là còn ở trong trạng thái bất trực tiếp của tính cá biệt trực tiếp và tính phổ biến bản thể.
- Tính cá biệt trực tiếp – tức tồn tại-hiện có là nơi hiện thân của bản tính phổ biến còn bất định – và bản tính phổ biến mới được kết hợp lại trong sự vật giống như giữa thân xác và linh hồn trong cá thể hữu cơ. Thật thế, một tính cá biệt “thuần túy” hay một tính phổ biến “thuần túy” thì không khác gì hư vô. Nhưng tính cá biệt và tính phổ biến ở đây đã được kết hợp với nhau, tuy một cách lỏng lẻo và vẫn còn đứng đưng với nhau. Và sự phân ly, đứng đưng này chính là *cái Chất* của chúng. Tóm lại, vì lẽ trong sự vật, trong chừng mực chỉ là một phán đoán, tính cá biệt và tính phổ biến cấu tạo nên nó chỉ quan hệ với nhau bằng sự trung giới trừu tượng và giả tạm của hệ từ “LÀ”, nên sự vật ấy sẽ *tiêu vong*, sẽ *chết đi* vì chính sự hữu hạn ấy.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §169

- Sau hai tiêu đoạn dẫn nhập (§§167-168), ba tiêu đoạn tiếp theo đây sẽ xác định rõ hơn nội dung tư biện của *ba hạn từ* của phán đoán: chủ ngữ, vị ngữ và hệ từ và cách kết hợp của *ba tính quy định* của Khái niệm: tính cá biệt, tính phổ biến và tính đặc thù.

- Phán đoán *trừu tượng* (hình thức chung của mọi phán đoán) tương ứng với phán đoán về chất (§172 và tiếp) và được diễn đạt trong mệnh đề: “*cái cá biệt là cái phổ biến*” (§166). Trong mệnh đề này, chủ ngữ là cái cá biệt. Cái cá biệt nói ở đây thoạt đầu là cái cá biệt trực tiếp và trừu tượng, giữ khoảng cách với cái phổ biến, trong sự độc lập-tự tồn của tồn tại-cho-mình của nó (§166). Nhưng, ngay trong lòng sự trừu tượng và sự biệt lập với cái phổ biến, chủ ngữ – trong chính nó và với tư cách là tính cá biệt của Khái niệm – tự quan hệ với mình một cách phủ định, và, do đó, là sự phủ định của phủ định (hay sự quy định nhất định tự-mình-và-cho-mình, sự quy định tuyệt đối, sự tự-quy định). Nói ngắn, với tư cách là cái cá biệt quan hệ với mình một cách phủ định, chủ ngữ là *cái cụ thể một cách trực tiếp* (§164). Nhưng, sự trực tiếp này cũng có mặt tiêu cực: vì lẽ trong phán đoán trừu tượng, cái cá biệt bị cô lập hay bị trừu tượng hóa khỏi tính phổ biến nhất định của nó, nó “chỉ là” cái cụ thể *trực tiếp* (chưa được phản tư trong mình lẫn trong tính phổ biến nhất định, điều chỉ diễn ra trong “phán đoán phản tư” sau này).

- Đối lập với chủ ngữ cụ thể được hiểu như thế, vị ngữ của phán đoán trừu tượng cũng là *cái trừu tượng* hết như thế. Vị ngữ là cái phổ biến. Nhưng, cái phổ biến *đúng thật* phải là sự ngang bằng tích cực và là sự liên tục đồng nhất với mình, nghĩa là *ở ngay bên trong* tính quy định đặc thù và tính cá biệt. Trong khi đó, cái phổ biến ở đây (trong phán đoán trừu tượng) là cái phổ biến bị cô lập và bị tách rời khỏi sự thống nhất của Khái niệm; bản thân nó cũng là cái *trừu tượng* và cái *bất định*. Tóm lại, vị ngữ ở đây là cái phổ biến trừu tượng giống như chủ ngữ là cái cụ thể trừu tượng hay cái cá biệt trực tiếp.

- Tuy nhiên, dù trừu tượng đến mấy, chủ ngữ và vị ngữ vẫn được nối kết về mặt hình thức bởi cái “LÀ” của hệ từ và, như thế, được thiết định như là đồng nhất với nhau, dù một cách trừu tượng.

Vậy, bản thân vị ngữ – trong tính phổ biến của nó – cũng phải chứa đựng một quy định tuyệt đối nào đó của chủ ngữ. Nói khác đi, do được hệ từ đồng nhất hóa với chủ thể cá biệt, vị ngữ không thể là cái gì hoàn toàn bất định: tính phổ biến trừu tượng của nó cũng phải chứa đựng tính quy định của chủ ngữ mà bản thân chủ ngữ tuy có chứa đựng một cách *ý thể* nhưng không diễn tả mình nhiên vì nó là cái cụ thể *một cách trực tiếp*. Được quy định nhất định như thế, tính phổ biến của vị ngữ rõ ràng là *tính đặc thù* (§163): nó không còn nói lên sự đồng nhất trừu tượng và hình thức mà hệ từ áp đặt như một sự tất yếu còn ẩn giấu mà một sự đồng nhất được thiết định và minh nhiên. Thật ra, trong phán đoán trừu tượng, hệ từ *đã* diễn đạt mômen của tính đặc thù của Khái niệm. Nhưng, ở đó, nó chỉ mới là hình thức thuần túy nối kết hai cái hình thức khác của Khái niệm một cách trừu tượng: tính cá biệt trừu tượng và tính phổ biến trừu tượng. Ngược lại, tính đặc thù của vị ngữ là cái trong đó chủ ngữ và vị ngữ là đồng nhất một cách cụ thể, bất chấp sự phân ly hình thức. Trong phán đoán, chính nó là cái đứng dưng trước sự khác biệt của hình thức và vẫn duy trì sự đồng nhất của nó kinh qua tính phủ định của hình thức. Từ nay, với tư cách là sự đồng nhất dưng dưng với sự khác biệt của hình thức, tính đặc thù của vị ngữ phổ biến là *nội dung* chung của chủ ngữ và vị ngữ. (ta nhớ lại sự quá độ từ hình thức sang nội dung và sự đối lập của chúng ở §133 trước đây).

- Phần Nhận xét cho §169

- Chủ ngữ cá biệt – như là quan hệ phủ định với mình – là được quy định nhất định. Nhưng, trong chừng mực thoát đầu chỉ là cái cụ thể trực tiếp hay trừu tượng, nó chỉ có tính quy định của nó một cách minh nhiên ở trong vị ngữ mà nó loại trừ do tính cá biệt trực tiếp của nó. Vậy, chủ ngữ chỉ có nội dung nhất định và cụ thể của nó *ở trong* vị ngữ. Hiểu một cách trừu tượng, chủ ngữ thoát đầu chỉ là một biểu tượng hay một tên gọi trống rỗng, chứ không phải một tính quy định của tư tưởng.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §170

- Tiêu đoạn này xác định rõ hơn tính quy định của chủ ngữ và vị ngữ trong các mối quan hệ hỗ tương giữa chúng.
- Ta biết rằng mỗi mômen của Khái niệm, về nguyên tắc, là cái toàn bộ của Khái niệm (§160). Điều này đúng cho cả tính đặc thù, tính cá biệt lẫn tính phổ biến. Nhưng, trong phán đoán trừu tượng, thoạt đầu chỉ có tính cá biệt và tính phổ biến là được nêu một cách minh nhiên (§166), trong khi tính đặc thù thật ra chỉ có vai trò tư biện khi bắt đầu có phán đoán về sự tất yếu và về Khái niệm (ở sau). Cũng thế, trong phán đoán, thoạt đầu chủ ngữ (như là cái cá biệt) và vị ngữ (như là cái phổ biến) thay phiên nhau thể hiện như là *mômen* làm công việc “toàn thể hóa” về mặt khái niệm cho cả cái kia thông qua sự trung giới của hệ từ (“LÀ”).
- Vậy, trước hết, chủ ngữ – như là quan hệ phủ định với mình – là “cơ sở vững chắc” (das zu Grunde liegende Feste / the solid ground / le fondement solide) toàn thể hóa tính phổ biến (khẳng định) và tính đặc thù (phủ định) của vị ngữ phổ biến trong nội dung của nó. Như thế, chủ ngữ cá biệt tự khẳng định như là cơ sở toàn thể hóa, trong đó vị ngữ mới có được sự bền vững, và trong quan hệ ấy, vị ngữ là *tùy thuộc (inherent)* vào chủ ngữ là cái mang nó trong mình như một mômen (vd: vị ngữ “*người*” tùy thuộc vào chủ ngữ: “*Socrate*”). Thêm nữa, §169 đã cho thấy chủ ngữ là cái cụ thể (trực tiếp). Điều này có nghĩa tích cực ở chỗ chủ ngữ là một toàn thể được quy định hoàn chỉnh, do đó, nội dung nhất định tạo nên tính đặc thù của vị ngữ phổ biến *không có sự phong phú bằng chủ ngữ cụ thể*. Nhưng nó cũng có nghĩa tiêu cực ở chỗ: chủ ngữ chỉ là cụ thể *một cách trừu tượng* như cái gì tồn tại-cho-mình phân tán thành tính đa tạp (§97), nên rơi lại vào trong khuôn khổ của Tồn tại theo nghĩa: nội dung nhất định của vị ngữ chỉ là *một* trong nhiều tính quy định của chủ ngữ cụ thể, và, trong chừng mực đó, chủ ngữ được xem là (có ngoại diên) rộng hơn vị ngữ (§91 gọi là “bề rộng của tồn tại-hiện có” / Breite des Daseins).

- Nhưng, vị ngữ cũng là một mômen của Khái niệm chứa đựng tính toàn thể. Vì thế, ngược lại, vị ngữ, trong chừng mực là cái phổ biến, liên tục một cách tự do kinh qua mọi sự đặc thù hóa và cá biệt hóa, nên cũng có một sự bền vững riêng và, do đó, đứng vững với việc chủ ngữ cá biệt có tồn tại hay không. Như thế, với tư cách là cái phổ biến tự tồn và bao hàm quy định của chủ ngữ trong nội dung đặc thù của mình, vị ngữ “vượt lên trên” chủ ngữ: thay vì tùy thuộc vào chủ ngữ, nó lại “*thâu gồm*” (*subsumieren / subsume*) chủ ngữ vào dưới nó, và, do đó, có (ngoại diên) rộng hơn chủ ngữ. Hegel cho một ví dụ dễ hiểu: câu “*hoa hồng là màu đỏ*” vừa cho phép hình dung chủ ngữ là phong phú hơn vị ngữ vì hoa hồng còn có nhiều thuộc tính khác hơn là màu đỏ, vừa cho thấy vị ngữ là phong phú hơn chủ ngữ vì màu đỏ là vị ngữ của nhiều chủ ngữ khác nữa chứ không chỉ của hoa hồng. Thật ra, *sự mâu thuẫn* giữa sự tùy thuộc và sự thâu gồm chỉ được giải quyết cụ thể hơn khi phán đoán về chất (là phán đoán về sự tùy thuộc) chuyển thành phán đoán của sự phản tư (là phán đoán về sự thâu gồm) ở sau (§174 và tiếp).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §171

- Như đã thấy, phán đoán – như là Khái niệm trong tính đặc thù hay trong sự phân chia của nó – là quan hệ dị biệt hóa giữa các mômen thoát đầu được thiết định như là tồn tại-cho-mình và đồng nhất với mình *chứ không phải với các mômen khác* (§166). Kết quả: trong phán đoán trừu tượng hay trực tiếp, chủ ngữ cá biệt, vị ngữ phổ biến và nội dung nhất định (đặc thù hóa vị ngữ phổ biến và là chỗ để nó đồng nhất với chủ ngữ) thoát đầu được thiết định như là *khác nhau*, do đó, rơi ra ngoài nhau (§117). Và, dù là mới *tự-mình* (mặc nhiên), tức dựa theo sự đòi hỏi của sự thống nhất cụ thể được thiết định bởi Khái niệm, các mômen *khác nhau* này là *đồng nhất* một cách tiềm năng, mặc nhiên. Thật thế, là bản thân Khái niệm trong chân lý nền tảng của nó (§164), chủ ngữ là *cái toàn thể cụ thể*, và, với tư cách ấy, nó buộc phải tự triển khai lần lượt trong phán đoán và suy luận. Song, điều này chưa diễn ra trong phán đoán trực tiếp lúc ban đầu. Trong phán đoán này, Khái niệm rơi trở lại vào trong khuôn khổ của sự *trực tiếp*, đó là lý do

khiến cho chủ ngữ chỉ là cái toàn thể cụ thể trực tiếp theo nghĩa về *chất*, là nơi nó bao gồm “*nhiều*” tính quy định mà vị ngữ chỉ diễn đạt “*một*” trong số đó mà thôi. Và cũng vì thế mà toàn thể cụ thể của chủ ngữ (trong phán đoán trừu tượng) chỉ là một tính đa tạp nào đó còn bất định chứ chưa phải là toàn thể cụ thể đúng thật của Khái niệm chủ quan. Cái toàn thể cụ thể đúng thật này phải là bản thân tính cá biệt của Khái niệm (§163), tất nhiên, không còn là tính cá biệt chưa được dị biệt hóa của “Khái niệm xét như là Khái niệm” mà là tính cá biệt *đã phát triển* tự-toàn thể hóa kinh qua tiến trình của phán đoán và suy luận, bao hàm trong nó cái đặc thù và cái phổ biến trong một sự đồng nhất cụ thể và tuyệt đối. Chính sự *đồng nhất* giữa cái phổ biến và cái đặc thù (còn tiềm năng) ấy đã được diễn đạt một cách còn hết sức nghèo nàn trong nội dung nhất định của vị ngữ được xem như “tùy thuộc” (inherent) vào chủ ngữ cá biệt ở đây.

- “*Vận mệnh*” hay “*đích đến*” (*Fortbestimmung / destination*) của Khái niệm chủ quan (bị phân hóa thành chủ ngữ, vị ngữ và nội dung nhất định) sẽ là việc tập hợp các mômen khác nhau ấy lại một cách cụ thể, và, trong tính cá biệt tuyệt đối (đúng thật) của Khái niệm, thiết định sự đồng nhất này một cách minh nhiên. Đó là điều sẽ triển khai trong các phán đoán và các suy luận cao hơn tiếp theo đây.
- *Sự đồng nhất* mang tính Khái niệm đúng thật giữa chủ ngữ cá biệt với vị ngữ vừa đặc thù vừa phổ biến thật ra đã được *thiết định* một cách nào đó trong hệ từ (“LÀ”), vì chữ “LÀ” báo hiệu sự đồng nhất giữa các hạn từ bị nó tách rời. Chỉ có điều: sự đồng nhất dưới hình thức của một cái “LÀ” trừu tượng này chỉ nói lên sự *đòi hỏi* Khái niệm phải tiếp tục tự triển khai.
- Dựa theo *sự đồng nhất* được hệ từ báo hiệu ấy, vấn đề còn lại là:
 - a) Chủ ngữ cá biệt trực tiếp phải được tiếp tục *thiết định* ở trong tính quy định của vị ngữ, tức, như là đặc thù và phổ biến;
 - b) Qua đó, vị ngữ cũng phải nhận được tính quy định của chủ ngữ, tức phải được quy định như là tính phổ biến có một tính cá biệt loại trừ và toàn thể hóa.

Vận động a) sẽ được thực hiện trong phán đoán của *sự phản tư* (§174 và tiếp), còn vận động b) sẽ được thực hiện trong phán đoán của *sự tất yếu* (§177 và tiếp).

- Qua việc đồng nhất hóa cụ thể giữa chủ ngữ và vị ngữ, hệ từ trừu tượng (“LÀ”) đã *tự lấp đầy*: nó không còn diễn tả một mối dây liên hệ thuần túy về *chất* giữa các hạn từ của phán đoán, trái lại, lần lượt diễn tả mối dây liên hệ *phản tư*, rồi *tất yếu* và sau cùng là có *tính khái niệm đích thực* (§178 và tiếp). Sự *quy định tiến lên* ấy của phán đoán sẽ dẫn phán đoán đến *suy luận* (§181 và tiếp) nhờ vào hạn từ đã được lấp đầy *nội dung*. Vào thời điểm ấy, sự thống nhất giữa chủ ngữ và vị ngữ sẽ được diễn tả bằng hệ từ là *bản thân Khái niệm* (§180).
- Trong bản thân phán đoán (chưa đạt đến cấp độ *suy luận*), sự quy định tiến lên của phán đoán là phải quy định *tính phổ biến* thoát đầu một cách trừu tượng, cảm tính thành cái “*tổng thể*” (“*tính tất cả*” / *Allheit / allness / ensemble*), rồi thành *Loài* (*Gattung / genus / genre*) và *Giống* (*Art, species / espèce*) và cuối cùng trong *tính phổ biến-của-Khái niệm đã phát triển* (*entwickelte Begriffsallgemeinheit / developed universality of the Concept / universalité-de-concept développée*). Bốn tính quy định lần lượt này của tính phổ biến của vị ngữ dự báo *bốn* loại phán đoán tiếp theo đây (phán đoán về chất, phán đoán phản tư, phán đoán tất yếu và phán đoán khái niệm).

(Lưu ý: vì mỗi mômen của Khái niệm gắn liền với các mômen khác, nên tính quy định ngày càng cụ thể của vị ngữ-phổ biến sẽ tác động đến chủ ngữ-cá biệt, đồng thời góp phần làm phong phú cho hệ từ).

- Phần Nhận xét cho §171

Ta lưu ý hai điểm trong phần *Nhận xét* này:

- Các phán đoán khác biệt bắt đầu phát triển từ §172 không tạo nên một sự đa tạp *thường nghiệm*. Chúng phải được xét như kết quả tất yếu của nhau và như là một sự quy định tiến lên của Khái niệm, vì bản thân phán đoán không gì khác hơn là Khái niệm trong tính đặc thù được thiết định hay là Khái niệm *nhất định*

(§§165-166). Sự phát triển này cũng là *tự do*, vì đây không gì khác hơn là sự thiết định các Khái niệm nhất định như là các phán đoán khác nhau bởi chính bản thân Khái niệm.

- Ta biết rằng trong những “Khái niệm [được quy định] nhất định” có mặt cả *Tồn tại* và *Bản chất* (§162). Do đó, các *Khái niệm nhất định* sẽ là các phán đoán (như là phân hóa sự thống nhất của Khái niệm xét như là Khái niệm) sẽ mang lại một sự “khôi phục” hai lĩnh vực ấy của Logos. Nhưng, đó sẽ là sự khôi phục xuất phát từ Khái niệm và từ cái bên trong của mỗi quan hệ đơn giản và tự do với chính-mình:
 - phán đoán về *Chất* (sẽ bàn ngay ở §172) khôi phục lĩnh vực *Tồn tại*;
 - phán đoán của sự phản tư và của sự tất yếu sẽ khôi phục lĩnh vực *Bản chất*-hiện tượng và *Bản chất*-hiện thực (nhưng trong chân lý của chúng, tức như là các mômen do sự tự phân chia của Khái niệm tạo ra).

Ta hiểu tại sao chỉ từ phán đoán, Khái niệm mới tự triển khai trong sự tự do tuyệt đối và *tự thiết định* các tính quy định vốn trước nay vẫn được xem như các tiên-giả định.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §172

a) Phán đoán về chất

- Phán đoán đầu tiên là phán đoán trừu tượng hay trực tiếp (là nơi sự thống nhất cụ thể của Khái niệm tách rời thành hai tính quy định trừu tượng hay cô lập: tính cá biệt và tính phổ biến được nối kết bằng hệ từ “LÀ” trống rỗng). Trong phán đoán trực tiếp, cái cá biệt và cái phổ biến chưa quan hệ với nhau một cách cụ thể bằng sự nối kết của sự phản tư, của sự tất yếu hay của Khái niệm; mỗi cái có một tồn tại-hiện có trực tiếp, vì thế, phán đoán trực tiếp thể hiện như là *PHÁN ĐOÁN VỀ TỒN TẠI-HIỆN CÓ* (*Urteil des Daseins / judgment of thereness / jugement de l'être-là*).
- Tuy nhiên, trong phán đoán, vì lẽ chủ ngữ chỉ có nội dung nhất định và cụ thể của nó ở trong vị ngữ, nên bản tính của vị ngữ cho thấy phán đoán trực tiếp là một phán đoán về *tồn tại-hiện có*, vì vị ngữ của nó khẳng định hay phủ định (xác nhận hay phủ nhận cho chủ ngữ) một tính phổ biến đơn giản hay trừu tượng, đó là một *Chất* trực tiếp làm tồn tại-hiện có của nó, chứ không phải một tính phổ biến phức tạp hơn hay cụ thể hơn về bản chất, bản thể hay về Khái niệm đúng thật của nó. Bây giờ, ta đi vào chi tiết:
- Trong phán đoán trực tiếp, một mặt, nơi chủ ngữ của phán đoán, ta có tính cá biệt trừu tượng của Khái niệm, mặt khác, nơi vị ngữ, ta có một tính phổ biến cũng trừu tượng và trực tiếp, trong khi đó *tính đặc thù* thì thể hiện về mặt hình thức ở trong hệ từ (“Là”), và, về mặt nội dung, ở trong nội dung nhất định của vị ngữ-phổ biến.
- Vậy, chủ ngữ và vị ngữ của phán đoán về “tồn tại-hiện có” thể hiện như thế nào? Tất nhiên, chủ ngữ sẽ là bản thân Khái niệm, thế nhưng, đó là Khái niệm trong tính cá biệt trừu tượng hay Khái niệm như là cái cá biệt trừu tượng. Tại sao? Ta biết rằng, tính cá biệt (đúng nghĩa!) của Khái niệm phải là sự thống nhất phủ định với mình và là tồn tại-được quy định-tự-mình-và-cho-mình (§163), phải là Khái niệm trong chừng mực tự hiện thực hóa

chính mình (§163, *Nhận xét*), trong chừng mực đó, nó là *chủ thể*, là cơ sở của mọi quy định khác của Logos (§164). Thế nhưng, bây giờ, trong trường hợp của phán đoán trừu tượng, tính cá biệt này của Khái niệm bị cô lập một cách trừu tượng với các tính quy định khác của Khái niệm: ta không còn có tính cá biệt *toàn diện* và *toàn thể hóa* của Khái niệm nữa, mà chỉ có tính cá biệt trực tiếp, tức chỉ có sự trừu tượng trống rỗng, theo đó Khái niệm cá biệt chỉ có giá trị như là một cái tồn tại-tự-mình (§92). Nói ngắn, chủ ngữ cá biệt trừu tượng của phán đoán trực tiếp là Khái niệm *tự-mình*, mang toàn bộ sự trực tiếp của Khái niệm (§84), và rộng hơn, biểu thị mọi Khái niệm *nhất định* của tồn tại và bản chất bị nắm lấy trong sự trừu tượng và cô lập của cái tồn tại-tự-mình tách rời và trực tiếp của chúng.

- Đồng thời, vị ngữ phổ biến của nó cũng chỉ là một tính phổ biến tối thiểu, đơn giản và không được phản tư của một *Chất* trực tiếp. Là vị ngữ của một cái cá biệt *tồn tại-tự-mình*, tính phổ biến này không thể là gì khác hơn một *Chất*, tức chỉ là một tính quy định hữu hạn và tồn tại đơn thuần (§§90-92). Nhưng, là *Chất* tác động đến một chủ ngữ (chủ ngữ này dù sao cũng là Khái niệm), nên tính quy định hữu hạn này cũng không còn là sự trực tiếp hoàn toàn trừu tượng của một phạm trù của *Tồn tại*, trái lại, được thiết định như một mômen (tuy còn nghèo nàn và trực tiếp) của tính phổ biến logic.

Từ đó, trong phán đoán trực tiếp, chủ ngữ được thiết định *trong* một tính phổ biến làm vị ngữ cho nó, đồng thời vị ngữ này là một *Chất* trực tiếp. Vì thế, phán đoán của “tồn tại-hiện có” được gọi một cách đúng đắn là *PHÁN ĐOÁN VỀ CHẤT*. Phán đoán này chia ra thành: 1) phán đoán *khẳng định*; 2) phán đoán *phủ định* và 3) cặp đôi 3a: phán đoán *đồng nhất*; 3b: phán đoán *vô hạn* (hay “*bất định*”, “*hạn định*”).

1) PHÁN ĐOÁN KHẲNG ĐỊNH

- là hình thức trực tiếp nhất của phán đoán về tồn tại-hiện có: cái cá biệt trừu tượng được thiết định một cách khẳng định trong một vị ngữ-phổ biến tự quy giản thành một *Chất* trực tiếp. Hình thức mệnh đề của phán đoán này là: “*cái cá biệt là cái đặc thù*”. Tất nhiên, phát biểu khái quát nhất của phán đoán này là: “*cái cá biệt là cái phổ biến*”, nhưng vì lẽ cái phổ biến bây giờ có tính đặc thù

của một nội dung *nhất định* (§§169-170), nên ta nói: “cái cá biệt là *một* cái đặc thù”, tức, là một tính phổ biến *nhất định*: nó không phải là “Chất” nói chung mà là “*một*” Chất đặc thù trực tiếp. (Ví dụ phán đoán: “Một cái-gì-đó không phải là “tồn tại”, “Chất”, “sự trực tiếp” hay “bản chất” *nói chung* mà là một phạm trù nhất định của chúng, chẳng hạn: là sự trở thành, đại lượng, độ... hay cơ sở, nguyên nhân nhất định, trực tiếp”).

- Phán đoán-khẳng định chứa đựng sự khẳng định rằng cái cá biệt là *một* cái đặc thù (tức: một Chất đặc thù). Nhưng, mặt khác, cái cá biệt cũng *không phải* là một cái đặc thù! Bởi ta biết rằng, về mặt hình thức, vị ngữ ở đây (cái đặc thù) là một quy định *rộng hơn* chủ ngữ (ví dụ: không phải chỉ có cái cá biệt trực tiếp này mới là “sự trở thành”, “nguyên nhân”... mà Bản chất, Ý niệm, Tự nhiên, Tinh thần cũng là “sự trở thành” cả, hay: màu đỏ không chỉ đúng riêng cho hoa hồng). Ngược lại cũng thế, về mặt nội dung, chủ ngữ lại *rộng hơn* vị ngữ (ví dụ: “cái-gì-đó” còn có nhiều Chất khác hơn là “sự trở thành”, hay: hoa hồng còn có nhiều chất khác hơn là màu đỏ...). Tóm lại, cái cá biệt **không** phải là một cái đặc thù: đó sẽ là **PHÁN ĐOÁN PHỦ ĐỊNH**.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §173

2) PHÁN ĐOÁN PHỦ ĐỊNH

Phán đoán-phủ định là sự phủ định *đầu tiên* của phán đoán-khẳng định về chất, nhưng nó không phải là sự phủ định *tuyệt đối*. Thật thế, phán đoán-phủ định không loại trừ *mọi* quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ, hay chính xác hơn, giữa chủ ngữ cá biệt trực tiếp và tính phổ biến của vị ngữ. Nó chỉ phủ định (phủ nhận) tính quy định hay tính đặc thù *nhất định* về chất chứ không phủ định toàn bộ lĩnh vực của vị ngữ. Chẳng hạn khi nói: “Khái niệm (nhất định) *không* phải là sự trở thành” hay “hoa hồng không phải màu đỏ”, ngụ ý rằng nó có một Chất khác ngoài “sự trở thành” hay “màu đỏ”. Vậy, sự mở rộng về chất của phán đoán này không phải là sự phủ định *toàn diện*; nó chỉ dẫn đến một phán đoán-khẳng định khác (ví dụ: Khái niệm – như là “cái-gì-đó-cũng là

độ”, hay “hoa hồng là đẹp, là thơm...”), và vì lẽ bất kỳ phán đoán-khẳng định nào cũng có thể bị phủ định, ta có *sự vô hạn tối* về chất của những phán đoán-khẳng định-về-chất khác nhau: ví dụ: “Khái niệm là sự trở thành, là tồn tại-hiện có, là đại lượng, là độ, v.v..., hay: hoa hồng là đẹp, là thơm, là mềm mại, là có nhiều cánh v.v...).

3. Tuy nhiên, phán đoán-phủ định không thái hồi sự bất cập của phán đoán-khẳng định. Trước hết, vì lẽ nó *phục hồi* phán đoán-khẳng định ngay khi nó phủ định phán đoán ấy (như vừa nói trên). Mặt khác, và quan trọng hơn, nó không thái hồi hay phủ định *tính phổ biến* của các lĩnh vực về *chất*:

- về mặt hình thức, cái cá biệt *không* phải là một cái phổ biến, vì tính phổ biến, dù còn trừu tượng, vẫn rộng hơn nhiều so với tính cá biệt trực tiếp;
- thêm nữa, về mặt nội dung (ở đây Hegel không đề cập một cách minh nhiên), tính phổ biến về chất (trong phán đoán-khẳng định) vẫn là cái gì còn quá hời hợt không tương ứng với bản tính *cụ thể* của chủ ngữ cá biệt, vì, tuy còn là trực tiếp, nhưng cái cá biệt dù sao cũng là “Khái niệm” và do đó, đòi hỏi ở vị ngữ những tính chất khác hơn là những “Chất” trực tiếp.

Từ hai phương diện (hình thức và nội dung) ấy, phán đoán về chất phân hóa thành một cặp phán đoán khác: 3a: phán đoán *đồng nhất* và phán đoán *vô hạn*.

- 3.a: PHÁN ĐOÁN ĐỒNG NHẤT

- Về *mặt hình thức*, cái cá biệt *không* phải là một cái phổ biến, cũng không phải là một cái đặc thù (§172). Vậy, nó chỉ còn có thể là quan hệ *đồng nhất trống rỗng*: “*cái cá biệt là cái cá biệt*”, đó là *phán đoán đồng nhất*.
- Vì lẽ nó phủ định cả hai tính quy định (tính phổ biến và tính đặc thù), cái cá biệt quay trở lại trong chính mình một cách vô hạn *như là* cái cá biệt, như là *sự phủ định của phủ định* và phản tư-trong-mình như là tính phủ định chỉ quan hệ với-chính-mình. Nếu Khái niệm cá biệt muốn có một tính đặc thù và một tính phổ biến (đã vượt lên trên nó), nó chỉ còn cách làm

cho các tính quy định ấy *thật sự* thuộc về nó với tư cách là một Khái niệm-cá biệt *đúng nghĩa* chứ không chỉ là một-cái-gì-đó đơn thuần tồn tại trực tiếp. Nói ngắn, phán đoán đồng nhất (“Khái niệm cá biệt *chỉ là* Khái niệm cá biệt”) là *đòi hỏi khách quan* để, trong các bước phát triển cao hơn của phán đoán, Khái niệm-chủ quan-cá biệt phải được *thiết định* một cách bản chất đúng như là bản thân nó.

- 3. b: PHÁN ĐOÁN VÔ HẠN

- Về mặt nội dung, rút cục *toàn bộ* lĩnh vực của sự trực tiếp về lượng đều bị phán đoán-phủ định về chất loại trừ: “*cái cá biệt không phải là một cái phổ biến*”. Sau quan hệ đồng nhất trống rỗng, hạn từ thứ hai trong đó phán đoán phân hóa nói lên sự *không tương ứng* giữa chủ ngữ (Khái niệm đã được phản tư-trong-mình một cách bản chất như là cái cá biệt) với vị ngữ (lĩnh vực của tồn tại-hiện có trong tất cả và trong từng “Chất” trực tiếp của nó). Sự *không tương ứng* này (UnanGEMESSENheit), theo nghĩa từ nguyên, có nghĩa: thiếu một “THƯỚC ĐO” (GEMESSEN → MASS) chung giữa chủ ngữ đã phản tư như là *chủ thể* với vị ngữ trực tiếp: nó nói lên sự vô ước, tức sự không thể so sánh được (Inkommensurabilität), hay sự “vô-hạn độ” giữa chủ thể-bản chất trong quan hệ với lĩnh vực đơn thuần *tồn tại* của Chất trực tiếp: đó là *phán đoán vô hạn (vô định)*. (Có thể nói phán đoán-khẳng định là sự khôi phục lĩnh vực *Chất* ở cấp độ Khái niệm; phán đoán-phủ định khôi phục lĩnh vực *Lượng*, còn phán đoán vô hạn khôi phục lĩnh vực *hạn độ* và *vô-hạn độ*).

Phán đoán vô hạn có dạng: “Khái niệm cá biệt xét như Khái niệm cá biệt (đúng nghĩa) là sự *KHÔNG-TRỰC TIẾP*”: ta không có một thước đo chung giữa chủ ngữ quan hệ-với-mình (thuộc Bản chất) với vị ngữ là sự trực tiếp về chất (ví dụ để hiểu của Hegel: “*Tinh thần không phải là một con voi*”: hai hạn từ thuộc về hai lĩnh vực khác nhau, không thể so sánh được, và qua đó, vị ngữ (“*không phải voi*”) không xác định được chủ ngữ (“*Tinh thần*”) là gì, do đó là “vô định”, “vô hạn”).

- Phán đoán này được gọi là “vô hạn” là do quy chiếu đến thuật ngữ quen thuộc của Kant (xem: *Phê phán lý tính thuần túy*:

Bảng các phán đoán, B95 và tiếp), theo đó, khác với phán đoán-phủ định, phán đoán được gọi là “vô hạn” (hay “vô định”, “hạn định”) không nhằm phủ định sự tùy thuộc của một Chất nhất định nào đó đối với chủ ngữ cụ thể, mà chỉ khẳng định rằng chủ ngữ này thuộc về một lĩnh vực vô hạn hay vô định của một tính phổ biến còn bất định, do đó, cũng có nghĩa là nó chỉ “hạn định” hay loại trừ hoàn toàn một lĩnh vực khác, ở đây là lĩnh vực của sự trực tiếp về chất. (Ví dụ của Kant: “linh hồn là *bất tử*”, ở đây chủ ngữ (linh hồn) là bộ phận của vô tận những sự vật bị phủ định ở vị ngữ (bất tử) nhưng không nhờ thế mà biết được chủ ngữ thực sự là thế nào). Còn ở đây, phán đoán vô hạn: “*Khái niệm cá biệt đúng nghĩa là sự không-trực tiếp*” báo hiệu khoảng cách vô hạn giữa Khái niệm được thiết định như phản tư trong-mình một cách bản chất với toàn bộ lĩnh vực của Chất trực tiếp, nhưng không xác định Khái niệm cá biệt ấy sẽ được thu gom vào tính phổ biến mới mẻ nào: nó chỉ đòi hỏi rằng tính phổ biến này nhất thiết không còn thuộc lĩnh vực của tồn tại-hiện có trực tiếp. Đó là đòi hỏi dẫn đến “*Phán đoán của sự phản tư*” tiếp theo đây.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §174

b. Phán đoán của sự phản tư

- Chủ ngữ và vị ngữ của phán đoán về chất là tính cá biệt và tính phổ biến *trừu tượng*. Trong khi đó, trong phán đoán đồng nhất, cái cá biệt được thiết định *như là* cá biệt trong sự phản tư-trong-mình (một cách bản chất). Cũng thế, phán đoán vô hạn đòi hỏi rằng: tính phổ biến của vị ngữ không còn là một tính phổ biến đơn giản hay một Chất trực tiếp mà phải là một cái phổ biến được thiết định *như là* phổ biến, nghĩa là, một cái phổ biến thể hiện sức mạnh *tập hợp* các mômen khác nhau của sự quy định của nó trong sự ngang bằng với mình (§163). Phán đoán *phản tư* là phán đoán thực hiện *đòi hỏi song đôi* ấy.
- Chủ ngữ của phán đoán phản tư là Khái niệm được thiết định như là *cơ sở*, tức như là bản chất vừa tồn tại-trong-mình, vừa trong

quan hệ với *sự hiện hữu* mà nó làm cơ sở. Vì lẽ cái cá biệt đã phản tư-trong-mình (và cũng bắt buộc phản tư trong-cái-khác) như là cá biệt, nên chủ ngữ của phán đoán không còn là một Cái-gì-đó (có những thuộc tính trực tiếp thuộc Tồn tại) mà là *một cái đang hiện hữu* (thuộc Bản chất), nghĩa là: những thuộc tính của nó quan hệ một cách phản tư với một *thế giới hiện tượng*, là nơi tập hợp những “chất liệu” vốn tạo nên vật tính của nó (§§124-132). Trong *sự hiện hữu* (tức trong sự thống nhất trực tiếp của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác), chủ ngữ trừu tượng của phán đoán không còn mang tính chất của “Chất” trực tiếp, mà là ở trong mối Quan hệ và trong *sự nối kết với một cái khác*, tức với một thế giới hiện tượng bên ngoài, nơi thể hiện sự phụ thuộc của nó vào cái toàn thể bao trùm và có tính đặt cơ sở của bản chất. Như thế, *vị ngữ* của phán đoán phản tư chính là *tính quan hệ* của chủ ngữ-hiện hữu với những sự hiện hữu khác, và, qua đó, với cái toàn thể của bản chất-hiện tượng. *Tính phổ biến* của vị ngữ không còn có sự trừu tượng, đơn giản của một Chất tùy thuộc (inherent) trực tiếp vào chủ ngữ, trái lại, tương ứng với tính phản tư của chủ ngữ, cũng đón nhận ý nghĩa của tính quan hệ này, diễn đạt Quan hệ của một cái đang hiện hữu với những cái đang hiện hữu khác trong một tổng thể hiện tượng gắn liền với bản chất-cơ sở. Hegel cho nhiều ví dụ trong lĩnh vực thường nghiệm, nhưng nếu ta chuyển chúng thành ví dụ trong lĩnh vực lôgic, ta có chẳng hạn: phán đoán phản tư sau đây: “cái Khái niệm cá biệt này (chẳng hạn: tồn tại-hiện có, độ, sự đồng nhất, nguyên nhân v.v...), về *bản chất*, là một bộ phận của Khái niệm được thiết định trong tính toàn thể của nó” (hay: là một mômen có tính *hiện tượng*, là nơi lực nội tại của Khái niệm được thiết định = bản chất biểu hiện ra bên ngoài hay ngoại tại hóa thành hiện tượng). Tất nhiên, ở cấp độ này, tính phổ biến của vị ngữ chưa có được tính tuyệt đối của một tính phổ biến *hiện thực* hay mang tính *khái niệm* (như hai loại phán đoán tiếp theo) mà chỉ là một tính phổ biến có tính *tương quan* của một *bản chất* vẫn tự duy trì kinh qua tính đa tạp-hiện tượng của những cái đang hiện hữu.

- Tóm lại, tính phổ biến của vị ngữ không còn là trực tiếp như trong phán đoán về chất, mà mang tính bản chất. Tương ứng với nó, *tính đặc thù* của phán đoán phản tư đã được làm phong phú lên bởi quan hệ với tính đặc thù của phán đoán về chất: hệ từ (“LÀ”) không còn diễn tả *sự tùy thuộc trực tiếp* của một Chất với

chủ ngữ mà nói lên sự tùy thuộc về bản chất của chủ ngữ với một cái toàn thể mạch lạc của hiện tượng.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §175

Tiểu đoạn này trình bày ba loại phán đoán phân tư: a) phán đoán “đơn nhất” (“*singuläres Urteil*”); 2) phán đoán “đặc thù” hay “một số cái đơn nhất” (“*particuläres Urteil*”), và, 3) phán đoán “phổ biến” hay “tất cả mọi cái” (“*allgemeines Urteil*”). Hegel viết quá ngắn gọn nên ta cần làm rõ hơn một chút:

- 1) *Phán đoán về lượng*, như đã biết, là một phán đoán về sự tùy thuộc, ví dụ: “Khái niệm là một Cái-gì-đó có Chất là một đại lượng”. (Chúng ta thử lấy ví dụ ở lĩnh vực logic thay vì lấy ví dụ trong lĩnh vực cảm tính thường nghiệm). Trong khi đó, ở đây, *phán đoán phân tư* (tức, có tính bản chất) là cái cá biệt, *xét như một cái đơn nhất*, là một mômen có tính *hiện tượng* của một cái phổ biến-bản chất: ví dụ: “cái đơn nhất này (tức cái đang hiện hữu đơn lẻ: độ, cơ sở, nguyên nhân v.v.) là *hiện tượng* của Khái niệm được thiết định (= bản chất)”. Đó là PHÁN ĐOÁN ĐƠN NHẤT HAY ĐƠN LẺ (*das singuläre Urteil*) mà chủ ngữ của nó là một cái đang hiện hữu đơn lẻ một cách trực tiếp: cái này hay cái kia, tức: cái khái niệm đang hiện hữu đơn lẻ này hay cái khái niệm đang hiện hữu đơn lẻ kia... (Chú ý: trong §163, đã có Nhận xét rằng “*tính cá biệt*” / *Einzelheit* đơn thuần trực tiếp chỉ có mặt trong phán đoán. Và, để phân biệt giữa “*tính cá biệt* (phổ biến) đúng nghĩa” của Khái niệm với tính “đơn nhất” trực tiếp của chủ ngữ trong phán đoán “đơn nhất”, Hegel dùng hai tính từ khác nhau: “*einzel*” / “*cá biệt*”, và “*singulär* / (tạm dịch là) *đơn nhất hay đơn lẻ*. (G. S. H dành dịch chữ “*singulär*” này sang tiếng Anh bằng cách đặt trong ngoặc kép: “singular”; còn Bourgeois đề nghị dịch sang tiếng Pháp: “individuel-singulier”).
- 2) Trong quan hệ “*thâu gồm*” (*Subsumption*) của vị ngữ, qua đó một “cái này” riêng lẻ trở thành một cái phổ biến của sự phân tư, chủ ngữ được nâng cao lên khỏi “*tính đơn nhất*” (*Singularität*) trực tiếp của điểm 1. Thật thế, vị ngữ của phán đoán này biểu thị cái

tồn tại-tự-mình phức tạp của Khái niệm được thiết định như là bản chất, và, trong quan hệ với nó, chủ ngữ đơn nhất chỉ là một mômen hiện tượng không bền vững, không gắn liền với tính phổ biến của vị ngữ. Vậy, không phải một “cái này” riêng lẻ là một cái phổ biến-bản chất, vì cái tự-mình phức tạp và mạch lạc của bản chất-toàn diện rõ ràng là *rộng* hơn nhiều so với một “cái này” riêng lẻ. Vì thế, *chân lý* sát cận nhất của phán đoán đơn nhất là phán đoán “đặc thù” (*das particuläre Urteil*) được phát biểu: “Một số Khái niệm đơn nhất đang hiện hữu là những hiện tượng của Khái niệm được thiết định” (ở đây cũng thế, để phân biệt giữa tính đặc thù của Khái niệm xét như Khái niệm và tính “đặc thù” trừu tượng và ngoại tại của chủ ngữ của phán đoán, Hegel phân biệt hai tính từ: “*besonder*” và “*particulär*”).

- Khi đi từ “một cái này” đơn nhất sang “một số cái này”, chủ ngữ tự mở rộng và tiếp thu tính phổ biến được bao hàm trong vị ngữ. Nhưng, sự mở rộng này của chủ ngữ vẫn là “ngoại tại” đối với bản thân chủ ngữ. Quy định mang tính khái niệm cho chủ ngữ của phán đoán đơn nhất là tính “đơn nhất” *trực tiếp* (*Singularität*) chứ không phải tính cá biệt (*Einzelheit*) toàn thể hóa của Khái niệm. Kết quả của sự mở rộng này (hay của ngoại diện lớn hơn này) của chủ ngữ thoát đầu chỉ là tính đặc thù còn bất định của “một số cái này”.
- 3) “Một số cái (*Einige / some / quelques-uns*) là cái phổ biến”: đó là phát biểu trừu tượng nhất của phán đoán “đặc thù”. Nó tất yếu có tính bất định và hàm hồ. Nhưng, đó chỉ là một trạng thái tạm thời trong sự triển khai của phán đoán. Thật thế, nếu “một số cái” là phổ biến, có nghĩa cụ thể là: Khái niệm được thiết định là một cái phổ biến (một “vũ trụ”) hay một thế giới có thể làm cho mọi hiện hữu đơn nhất trở nên trong suốt, nghĩa là không có một “vật-tự thân” khép kín chống lại lực nội tại và toàn diện của Khái niệm tự thiết định như là bản chất-phổ biến. Cái phổ biến của sự phản tư (bản chất) bao trùm lên bất kỳ “cái này” nào, nghĩa là nó *thâu gồm* không chỉ tính “đặc thù” bất định của “một số cái” mà là cái toàn thể cụ thể của “*tất cả*” mọi Khái niệm đang hiện hữu. “Tính toàn thể” này được hình thành xuất phát từ tính “đơn nhất riêng lẻ” nên cũng không phải là tính Toàn thể (*Totalität*) biểu thị sự thống nhất hay nhất thể của các mômen, mà là tính Tất cả (*Allheit*) như là tổng số được hình thành bởi tính đa tạp đã hoàn tất. Đó là tính “đặc thù” của chủ ngữ “đơn nhất” đã được mở rộng

theo kích thước bao trùm của tính phổ biến. Dù sao, tính phổ biến của Khái niệm được thiết định chỉ được quy định *cụ thể* là ở *trong* và *từ* sự trực tiếp-hiện tượng của sự hiện hữu đơn nhất, nếu không, nó chỉ vẫn là tính phổ biến *không hiện thực* của một sự phản tư *thuần túy*. Do đó, trong tính toàn thể như là “*Tất cả*” hay “*Tổng thể*” (*Allheit*), cái đơn nhất của sự phản tư đã được *phổ biến hóa*; nói khác đi, sự thống nhất giữa cái cá biệt *như là* cá biệt và cái phổ biến *như là* phổ biến *được khôi phục* thông qua sự phân hóa Khái niệm bằng phán đoán, nhờ vào loại phán đoán phản tư này.

Đồng thời, trong cái toàn thể xét như là *tổng thể* này, cái phổ biến của sự phản tư bị cá biệt hóa. Tất nhiên, tính phổ biến của Khái niệm *chưa* được cụ thể hóa trong một *tính cá biệt-phổ biến* như sẽ thấy trong các phán đoán tiếp theo, mà chỉ mới được phản tư của Quan hệ hay của sự nối kết bản chất, nghĩa là chỉ có thể *thâu gồm* trong nó tính đơn nhất bằng cách *tổng thể hóa* hay tập hợp mọi cái đang hiện hữu cá biệt trong một thể giới duy nhất. Như là “*tổng thể*” đầy đủ của những cái đang hiện hữu đơn nhất, chủ ngữ là chủ ngữ của PHÁN ĐOÁN “PHỔ BIẾN” (lẽ ra Hegel phải dùng chữ “*universelles Urteil*” thay vì “*allgemeines Urteil*”, trong tự như đã dùng các tính từ “*singular*” và “*particular*” thay cho “*einzel*” và “*besonder*” trước đó!): “*tất cả đều là cái phổ biến*”, chẳng hạn trong phát biểu: “*tất cả mọi Khái niệm đơn nhất* đang hiện hữu đều, về bản chất, là *hiện tượng* của Khái niệm được thiết định”. Ta thấy ở đây “*tính phổ biến*” ở chủ ngữ (chỉ mới như là tính phổ biến của *sự phản tư*) rất quen thuộc với *giác tính*, vì nó diễn tả tính phổ biến chưa phải như một “*Loài-bản thể*” mà chỉ mới như là một tính quy định có *chung* cho mọi cá thể được tập hợp trong tính “*tất cả*” (*Allheit*) của chủ ngữ.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §176

Tiểu đoạn §176 chuẩn bị cho bước chuyển từ phán đoán phản tư sang phán đoán về sự tất yếu.

- Trong phán đoán phổ biến, tính phổ biến không còn là đặc quyền của vị ngữ nữa, vì chủ ngữ cũng được quy định như là phổ biến. Đáng rằng tính phổ biến của chủ ngữ thoạt đầu chỉ mới là tính phổ biến của sự phân tư, nghĩa là tập hợp một cách ngoại tại *tất cả mọi* cá thể có chung một tính quy định bản chất. Nhưng cái phổ biến *đúng thật* cũng không còn xa nữa, vì ngay trong phán đoán quen thuộc: “Tất cả mọi người đều phải chết”, ta có thể thay thế chữ “tất cả mọi người” bằng chữ “con người”, tức, đó là phán đoán phổ biến khẳng định *tất cả mọi* cái đang hiện hữu đơn nhất đều là *một* cái đơn nhất hiện hữu *nói chung* như là *Loài* (*Gattung / genus / genre*). Vậy, phán đoán phổ biến đã thiết định *sự đồng nhất* của chủ ngữ và vị ngữ, dù tính phổ biến của chủ ngữ lẫn của vị ngữ thoạt đầu chỉ mới là một cái phổ biến của sự phân tư.
- Thế mà, sự khác biệt về *hình thức* giữa chủ ngữ và vị ngữ vẫn còn *quy định hình thức của phán đoán* (*die Urteilsbestimmung*). Tuy nhiên, do sự đồng nhất giữa chủ ngữ và vị ngữ đã được bản thân phán đoán thiết định, nên sự thiết định ấy đã trở nên “*dửng dưng*” (*gleichgültig / indifferent*) với bản thân hình thức quy định ấy của phán đoán. Sự “*dửng dưng*” này (của hình thức phán đoán, trong đó hai quy định hình thức là chủ ngữ và vị ngữ tự đồng nhất hóa và chuyển sang nhau) không có nghĩa là sự tiêu biến trừu tượng của phán đoán mà chỉ biểu hiện việc chuyển sang một loại hình phán đoán khác. Nói khác đi, phán đoán *mới* sẽ khôi phục lĩnh vực bản chất, nhưng ở mômen cao hơn, đó là mômen *hiện thực* như một sự *tự-biểu lộ* tuyệt đối của Khái niệm. Nói ngắn, trong phán đoán mới, Khái niệm không còn làm công việc phán đoán về chất lẫn phán đoán phân tư mà phán đoán một cách *hiện thực*, theo nghĩa: các sự khác biệt hình thức giữa chủ ngữ-hiện hữu và vị ngữ-bản chất được vượt bỏ trong sự thống nhất của sự triển khai *một nội dung duy nhất* luôn đồng nhất kinh qua mọi khác biệt về hình thức.
- Vậy, kết quả của phép biện chứng của phán đoán phân tư là sự thống nhất-đồng nhất minh nhiên của *nội dung* kinh qua sự dị biệt hóa về hình thức giữa chủ ngữ cá biệt và vị ngữ phổ biến. Bây giờ, ta có một sự tương ứng giữa một bên là chủ ngữ đã được phổ biến hóa và bên kia là Sự việc-bản chất đã được cá biệt hóa một cách cụ thể, khiến cho mối quan hệ hợp nhất của phán đoán – nhờ vào sự thống nhất này của nội dung – trở thành một quan hệ *tất yếu* (§§147-149). Từ nay, hệ từ của phán đoán sẽ diễn tả một mối

dây liên kết *tất yếu* giữa các hạn từ mà nó tách rời; và bản thân phán đoán sẽ là một *PHÁN ĐOÁN CỦA SỰ TẤT YẾU*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §177

c. Phán đoán của sự tất yếu

- Cùng với phán đoán của sự phản tư, phán đoán của sự tất yếu cũng là việc khôi phục lĩnh vực của Bản chất bởi Khái niệm. Để làm trung giới giữa phán đoán về chất (hay về tồn tại-hiện có) với phán đoán của Khái niệm ở sau (§178), lôgic của phán đoán còn phân biệt hai mômen của sự phản tư của bản chất: mômen sự vật-*hiện tượng* và mômen bản thể-*hiện thực*; cái trước thuộc về phán đoán phản tư, cái sau thuộc về phán đoán tất yếu. Vậy, về mặt hình thức, ta thấy ở đây có sự phân chia thành *bốn bước* (thay vì “ba bước” quen thuộc). Lý do một phần là ở chỗ Hegel muốn suy tưởng lại theo kiểu của mình đối với *bốn loại* phán đoán đã được Kant phân tích trước đây (trong *Phê phán lý tính thuần túy*, B95, Kant đề ra “*Bảng các phán đoán*” gồm bốn “đề mục” / Titeln: phán đoán về *Lượng* (phổ biến, đặc thù, đơn nhất), về *Chất* (khẳng định, phủ định, bất định); về *Tương quan* (nhất thiết, giả thiết, phân đôi) và về *Tình thái* (nghị vấn, xác định, tất nhiên)). Ở đây, mục đích của Hegel là muốn đặt cơ sở *tư biện* cho bốn loại phán đoán ấy. Ta ôn lại:
 - Lôgic học về Tồn tại cho thấy tồn tại chỉ là một ánh tượng của bản chất.
 - Hai phần của Lôgic học về Bản chất cho thấy bản chất chỉ ánh hiện trong tồn tại, hay, chính xác hơn, trong sự *hiện hữu-hiện tượng*. Nhưng, chỉ với *hiện thực* mới bắt đầu có sự thống nhất tuyệt đối giữa sự phản tư và sự trực tiếp, giữa bản chất và sự hiện hữu để trở thành sự tự do và tính chủ thể trong Lôgic học về Khái niệm.
- Vậy, trong phán đoán phản tư phổ biến, chủ ngữ và vị ngữ đều được nâng lên thành tính phổ biến cụ thể: *trước hết*, dưới hình thức của một *Loài* tập hợp cụ thể tất cả mọi cá thể mà Loài thâm

nhập nhờ tính phổ biến của nó; và *thứ hai*, dưới hình thức của một bản chất-hiện thực tự triển khai một cách *tất yếu* trong sự trực tiếp của sự hiện hữu. Sự đồng nhất này về nội dung – ở bên ngoài các sự khác biệt từ nay đã trở nên “dừng đọng” của hình thức – cho thấy sự quá độ sang một loại phán đoán hoàn toàn mới, trong đó sự phân chia theo kiểu phán đoán, ngay trong sự dị biệt hóa của nó, vẫn được bao hàm trong sự thống nhất minh nhiên và tất yếu của Khái niệm như là *hiện thực-bản thể* chứa đựng những tính quy định nội tại của chính nó. Tóm lại, phán đoán của sự *tất yếu* là phán đoán khẳng định *sự đồng nhất-hiện thực-bản thể-tất yếu* của nội dung ở trong và thông qua sự phân biệt của nó. Tương ứng với cấu trúc trừu tượng của mọi phán đoán, ta thấy nơi phán đoán tất yếu: trong vị ngữ là *nội dung* phổ biến như là phổ biến, còn trong chủ ngữ cũng chính là *nội dung* ấy nhưng như là tính cá biệt trực tiếp, được thiết định bởi sự tự-dị biệt hóa một cách minh nhiên và hiện thực của nội dung phổ biến.

- Phán đoán của sự tất yếu tự phát triển trong ba mômen: 1) *phán đoán nhất quyết (kategorisch)*; 2) *phán đoán giả thiết (hypothetisch)* và 3) *phán đoán phân đôi hay ly tiếp (disjunktiv)*.

1) Như đã nói, phán đoán của sự tất yếu, một mặt, ở trong *vị ngữ*, chứa đựng *bản thể* phổ biến của *chủ ngữ* cá biệt. Bản thể này là tính phổ biến đúng thật mang trong mình chủ ngữ cá biệt như một mômen của sự triển khai hiện thực của nó, chứ không còn là tính phổ biến thuần túy về chất hay chỉ đơn thuần phản tư của các loại phán đoán trước đây (chỉ dẫn đến một Chất trừu tượng của chủ ngữ hay đưa chủ ngữ đi vào trong một “tổng thể” hiện tượng) mà là cái phổ biến *cụ thể* và *nội tại*, nghĩa là: cái phổ biến tự quy định chính mình, còn cái tồn tại-hiện có cá biệt là sự *bộc lộ* cụ thể của chính mình.

- Nói cách khác, phán đoán của sự tất yếu, một mặt, chứa đựng trong vị ngữ hình thức cụ thể của cái phổ biến, đó là *LOÀI (Gattung)*. “Loài” (vốn là một phạm trù của Triết học về Tự nhiên!) biểu thị cái phổ biến cụ thể trong chừng mực đối lập lại tính cá biệt trực tiếp như đối với một mômen *bất tất*. Ở đây, trong bình diện lôgic, vị ngữ-bản thể đối lập lại chủ ngữ bất tất, mặc dù nó tự cụ thể hóa mình trong đó.

- Vị ngữ của phán đoán tất yếu chứa đựng cái phổ biến cụ thể vốn là kết quả của phán đoán phản tư. Là cụ thể, cái phổ biến *được quy định nhất định*: nó có cả tính quy định tuyệt đối của chủ ngữ và đồng nhất hóa với sự phản tư-trong-mình phủ định của chủ ngữ. Nói ngắn, trong chừng mực bản thân được quy định cụ thể như là một chủ ngữ (chủ thể), cái phổ biến của Loài chỉ hiện hữu ở trong những *GIỐNG (Art)* đặc thù và trong những *CÁ THỂ* cá biệt. Không thể có Loài-phổ biến-cụ thể mà không chứa đựng hiện thực cụ thể đặc thù, và nhất là, nếu không có sự cụ thể tuyệt đối của chủ ngữ cá biệt, tức như là *loại trừ* những tính quy định khác (giống như cái tồn tại-cho-mình loại trừ những tồn tại-cho-mình khác: §§96, 97): tính quy định bản chất và loại trừ này của *LOÀI* chính là *GIỐNG*. Sự cá thể hóa của Giống được tiên-giả định như là tính loại trừ, và cũng có nghĩa là tập hợp trong nó mọi cá thể thuộc Giống của mình, đối lập lại một Giống khác. Vậy, chủ ngữ của phán đoán chứa đựng Giống-loại trừ này. Nói cách khác, được quy định một mặt như là chứa đựng trong vị ngữ tính phổ biến cụ thể của *Loài*, và, mặt khác, chứa đựng trong chủ ngữ tính đặc thù-loại trừ – và, do đó, cá thể hóa của *Giống*, phán đoán ấy là *PHÁN ĐOÁN NHẤT THIẾT (kategorisch)*.
 - Vậy là sự thống nhất của Khái niệm tự khôi phục một cách cụ thể trong phán đoán, vì cái phổ biến của Loài là *hiện thực* duy nhất tập hợp các *Giống* và *các cá thể* trong đó nó tự phân chia và phân hóa. Ở cấp độ lôgic, phán đoán *nhất quyết* là phán đoán nơi đó bản thể-duy nhất đúng thật của Logos (tức sự Tự do) tự khẳng định như là Loài phổ biến, qua đó nó thiết định cái hiện thực *bất tất* (như là tiên-giả định của nó trước đây) như là Giống *được quy định nhất định* (tức: *tất yếu*), trong đó nó tự đặc thù hóa (hay tự dị biệt hóa). Nói cách khác, sự Tự do là “Loài”-lôgic tối hậu mà *tồn tại* (với tất cả mọi phạm trù đơn nhất) *tất yếu* là một *Giống* (bản thân Giống cũng được cá thể hóa trong từng mỗi phạm trù). Đối với bản chất cũng thế: sự Tự do là bản thể của Logos, còn bản chất là một tiên-giả định tất yếu nhưng vốn bất tất của sự tự do này, và, bây giờ, được khôi phục trong sự thống nhất của Khái niệm bản chất (với những phạm trù cá biệt khác nhau tạo nên nó) quan hệ với sự tự do của Khái niệm giống như một Giống (đặc thù và loại trừ) quan hệ với Loài phổ biến của nó.
- 2) Trong phán đoán nhất quyết ở trên, Khái niệm tự phân thành hai phía để cho hệ từ hợp nhất lại bằng sự liên kết *trực tiếp* của tính

bản thể (§150). Nhưng, ta biết rằng vận động của bản thể chính là ở chỗ thiết định *tính tùy thể* (hay *tính bất tất*) như là khác biệt với mình, để trong đó, nó thể hiện sức mạnh tuyệt đối của nó (§152). Ta cũng nhớ rằng tính bản thể thể hiện như một Quan hệ phản tư, trong đó hai hạn từ đối lập một cách *trung giới* như là *nguyên nhân* và *kết quả*. Nói cách khác, dựa theo tính bản thể, hay đúng hơn, dựa theo sự *khác biệt* do bản thể-đã-phát triển thiết định, hai phía của phán đoán (tức chủ ngữ = Giống được cá thể hóa) và vị ngữ (Loài) đều mang hình thái (Gestalt) của một hiện thực độc lập-tự tồn. Tất nhiên, sự *đồng nhất* tuyệt đối của sự tất yếu vẫn bảo tồn và tác động cả hai, nhưng chỉ như là một sự đồng nhất *bên trong* và *bị che giấu* (§157). Hiện thực của phía này *tất yếu* gắn liền với hiện thực của phía kia, nhưng vì sự đồng nhất này chưa được “khai mở” như là sự tự do, nên hiện thực của mỗi phía chưa phải là *của chính nó* mà là *của phía kia*, do đó, trước đây (§159), Hegel đã gọi chân lý của sự tất yếu là sự “giao phối với chính mình ở trong cái khác”. Vậy, phán đoán khôi phục, ở cấp độ Khái niệm, Quan hệ của *tính nhân quả*, nơi đó nguyên nhân và kết quả “tạo ra” nhau một cách hỗ tương nhưng *chưa* được thiết định minh nhiên như là *CAUSA SUI* (nguyên nhân tự thân), tức như là Khái niệm, phán đoán ấy chính là *PHÁN ĐOÁN GIÁ THIẾT*.

- Gọi là “giả thiết” (hypothetisch) vì nó không còn khẳng định sự hiện hữu trực tiếp của hai hạn từ do nó (phán đoán) nối kết mà chỉ khẳng định *tính hình thức thuần túy* của việc đặt điều kiện hỗ tương và tất yếu, diễn đạt trong mệnh đề: “*nếu A thì B*” và “*nếu B thì A*”.
- Khuyết điểm của phán đoán *nhất quyết* (kategorisch) trước đây là ở chỗ khẳng định *một cách trực tiếp* rằng Loài phổ biến có sự tồn tại trực tiếp của nó ở trong một Giống được cá thể hóa, nhưng không làm rõ sự liên kết *tất yếu* khiến chúng chuyển sang nhau. Trong khi đó, đặc điểm của phán đoán *giả thiết* chính là mômen cho thấy rằng, khi phân hóa thành Loài và Giống độc lập-tự tồn, thì Loài xét như là Loài và Giống xét như là Giống không hề có *sự bền vững* riêng của chúng (cũng như “nguyên nhân” và “kết quả” trong lĩnh vực Bản chất), trái lại, do sự nối kết tất yếu, *chỉ* là những cái đặc thù luân phiên nhau một cách thuần túy ở bên trong một tính phổ biến rộng hơn vốn bao hàm chúng trong sự thống nhất-đồng nhất của nó và *tự toàn thể hóa* một cách cụ thể ở trong

chúng. Tính toàn thể ấy sẽ được thiết định trong *phán đoán phân đôi* hay *phán đoán ly tiếp* sau đây.

3. Bây giờ, Hegel dùng lại chữ “*xuất nhượng*” (*Entäußerung*) đã gặp ở §166 với nghĩa: đối với Khái niệm, phán đoán là sự “xuất nhượng” của nó, nghĩa là, nó thả hồi hay “nhượng bỏ” sự trực tiếp của mình, qua đó tạo ra những điều kiện để thể hiện chính mình một cách cụ thể (ta nhớ rằng “*xuất nhượng*” vốn là một phạm trù *tâm lý học*: §§451, 462, 463, tập III nói lên mômen của sự hình dung bằng biểu tượng, khi chủ thể nội tại hóa đối tượng được trực quan bằng cách mang lại trong nội tâm mình sự ngoại tại của một tên gọi tái tạo đối tượng ấy trong ký ức để không cần dựa vào một trực quan hay một hình ảnh cảm tính nữa. Ở đây, phạm trù này được áp dụng vào cho phán đoán, trong chừng mực Khái niệm thiết định bên trong chính mình một tính ngoại tại (tức phán đoán), là nơi nó chỉ tự “nhượng bỏ” chính mình *để đi đến với chính mình một cách tốt hơn*.

Sự “nhượng bỏ” bản thân mình của Khái niệm ở trong phán đoán đạt tới cao điểm trong phán đoán *giả thiết*, vì phán đoán này là một mệnh đề hơn là một phán đoán: nó không có chủ ngữ lẫn vị ngữ mà chỉ thiết định sự nối kết tất yếu của tính nhân quả qua lại giữa Loài và Giống, là hai hạn từ tự phân chia của Khái niệm. Song, ta nhớ rằng chân lý của “*hành động tương tác*” (§155) chính là ở chỗ: hai hạn từ được dị biệt hóa, về mặt tự-mình và cho-mình, là “*cùng một cái*”, theo kiểu: sự đồng nhất còn ở bên trong và bị che giấu của sự tất yếu nay đã được thiết định *minh nhiên* và chuyển hóa thành sự trao đổi đồng nhất thuần túy của Khái niệm với chính mình. Ở đây, chính sự vận động biện chứng của *hành động tương tác* được khôi phục ở cấp độ Khái niệm và thể hiện trong *phán đoán phân đôi* hay *phán đoán ly tiếp* (*disjunktiv*). Vậy, phán đoán thứ ba của sự tất yếu (tức **PHÁN ĐOÁN PHÂN ĐÔI** hay **PHÁN ĐOÁN LY TIẾP** (*disjunktiv*)), tức phán đoán có *cái phổ biến được quy định* ở cả hai phía, để làm chủ ngữ lẫn vị ngữ. Trong chủ ngữ, ta có cái phổ biến xét như cái phổ biến, tức Loài trong hình thức đơn giản, còn trong vị ngữ, ta cũng có *cùng một cái phổ biến ấy* nhưng như là vòng tròn của *mọi Giống đặc thù* nhất định và loại trừ lẫn nhau bởi sự cá biệt hóa của Loài. Cái phổ biến tức là cái phổ biến đơn giản hay là lĩnh vực phổ biến của Khái niệm *xét như Khái niệm* (§§163-165), còn cái phổ biến sau (Giống) là cái toàn thể được hình thành bởi

Khái niệm *đã được phán đoán*, tức đã được phân chia như là tồn tại, bản chất hoặc như là bản thân Khái niệm (như ở tiểu đoạn sau). Nói cách khác, nếu dựa theo mômen của sự đồng nhất-*khẳng định* với mình, thì Loài đơn giản (như thể hiện trong chủ ngữ) **hoặc là** một Giống, vì sự tự do của Khái niệm có mặt khắp nơi trong từng mômen. Còn dựa theo mômen *loại trừ* của việc đặc thù hóa và cá biệt hóa của nó, Loài-nhất định (như thể hiện trong vị ngữ) **hoặc là** một Giống **hoặc là** một Giống khác vì mỗi Giống là một sự khác biệt nhất định của Khái niệm. Nói tóm, trong phán đoán phân đôi hay ly tiếp, Loài vừa **hoặc là-hoặc là** vừa **không chỉ-mà còn** là những Giống của nó.

- Vậy, trong phán đoán phân đôi, tính phổ biến thoát đầu được phán đoán như là Loài ở trong chủ ngữ, rồi bây giờ, trong vị ngữ, cũng như là vòng tròn hoàn chỉnh của những Giống của nó. Nói cách khác, tính phổ biến không chỉ được quy định về nguyên tắc mà được thiết định minh nhiên như là cái toàn thể, nơi đó cái toàn bộ được diễn đạt bởi chủ ngữ hiện diện trong từng mỗi mômen được phân biệt ở trong vị ngữ.
- Tóm lại, phán đoán từ nay có nội dung là bản thân Khái niệm với tư cách là cái toàn thể hoàn chỉnh đồng nhất hóa với tính phổ biến đơn giản của sự tự do của nó: chẳng hạn khi nói: “sự tự do đơn giản của Khái niệm thì *hoặc là* Khái niệm xét như Khái niệm, *hoặc là* Khái niệm được phán đoán thành tồn tại, bản chất hay Khái niệm”. Sau cùng, phán đoán có nội dung là *bản thân Khái niệm* sẽ là **PHÁN ĐOÁN CỦA KHÁI NIỆM**.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §178

d. Phán đoán của Khái niệm

- Thông qua sự vận động của phán đoán *phân đôi* (hay *ly tiếp*) vừa nói, **PHÁN ĐOÁN CỦA KHÁI NIỆM** có nội dung là Khái niệm *được thiết định* như là Khái niệm, nghĩa là, theo định nghĩa ở §160, Khái niệm được thiết định như là cái toàn thể-nhất định tập trung trong hình thức đơn giản, tức trong sự tự do tồn tại-cho-

mình, hoặc, ngược lại, Khái niệm được thiết định như là cái phổ biến đơn giản với tính quy định đầy đủ của nó. Bây giờ, tính phổ biến cụ thể một cách tuyệt đối này của Khái niệm – với tư cách là tính cá biệt – tự dị biệt hóa một cách tự do và thiết định mình nhiên *ba* phán đoán sau cùng của Khái niệm toàn diện: 1. phán đoán *xác định* (*assertorisch*); 2. phán đoán *nghi vấn* (*problematisch*) và 3. phán đoán *tất nhiên* (*apodictisch*). (xem thêm: Kant, *Phê phán lý tính thuần túy*, B95. Bảng các phán đoán, đề mục thứ 4: Phái đoán tình thái / Modalität: nghi vấn – xác định – tất nhiên).

1. Vì lẽ bây giờ Khái niệm cá biệt – khi đối diện với Khái niệm toàn diện – không còn là một “cái này” thuần túy, mà là một “cái này” có một tồn tại-hiện có đặc thù (chẳng hạn, Khái niệm cá biệt “*này*” là *độ*, là *cơ sở*, là *cái bên trong* v.v...), nên vị ngữ của phán đoán của Khái niệm diễn tả chính xác Quan hệ nhất định của cái tồn tại-hiện có đặc thù ấy của chủ ngữ với tính phổ biến của Khái niệm toàn diện (hay nói như trong *Chính văn*, vị ngữ là *sự phản tư* của tồn tại-hiện có đặc thù về cái phổ biến cụ thể và bao trùm của nó).
 - Việc quy chiếu này của chủ ngữ cá biệt với toàn thể cụ thể của Khái niệm tất yếu phải là việc *tương ứng* hay *không-tương ứng* của Khái niệm trực tiếp với tính phổ biến toàn diện, và, qua đó, vị ngữ có diễn đạt sự *phù hợp* hay *không-phù hợp* của sự tồn tại-hiện có đặc thù ấy của cái cá biệt với cái phổ biến của Khái niệm hay không, ví dụ: “*độ* (Khái niệm cá biệt này) là đúng thật”, nghĩa là tương ứng một cách hiện thực với cái toàn thể của Khái niệm hay của cái phổ biến. Phán đoán nào khẳng định rằng một Khái niệm cá biệt trực tiếp nào đó là phù hợp hoặc không phù hợp với sự tự-dị biệt hóa của Khái niệm toàn diện là **PHÁN ĐOÁN XÁC ĐỊNH**, theo đó, khi thiết định bất kỳ một Khái niệm cá biệt nhất định nào, thì Khái niệm toàn diện thiết định một tồn tại-hiện có *tương ứng* hoặc *không-tương ứng* một cách *trực tiếp* với bản tính phổ biến và cụ thể của mình.